

**CÔNG TY CP MÍA ĐƯỜNG 333 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: *g1* /CBTT-S33

**Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

*Daklak, ngày 15 tháng 4 năm 2016*

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

*Báo cáo thường niên năm 2015*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**

Mã CK: S33

Trụ sở chính: Khối 1 – Thị trấn Eaknốp – Huyện Eakar – Tỉnh Đaklak

Điện thoại: 05003.829260 Fax: 05003.829089

Người thực hiện công bố thông tin: Phan Xuân Thủy

Địa chỉ: Khối 1 – Thị trấn Eaknốp – Huyện Eakar – Tỉnh Đaklak

Điện thoại: 05003.829260 Fax: 05003.829089

Loại Công bố thông tin: Định Kỳ

Công ty Cổ phần Mía đường 333 công bố Báo cáo thường niên năm 2015 theo quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử Công ty Cổ phần Mía đường 333 vào ngày 19/4/2016 tại đường dẫn: [www.miaduong333.vn](http://www.miaduong333.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *Phan Xuân Thủy*

*Nơi gửi:*

- Như trên
- HĐQT
- Lưu VT, TKHQQT

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHAN XUÂN THỦY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**  
Thị trấn Eaknốp, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk  
[www.miaduong333.vn](http://www.miaduong333.vn)

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333






**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**

# MỤC LỤC

<b>THÔNG TIN CHUNG</b>	<b>1</b>
Thông tin khái quát	
Quá trình hình thành và phát triển	
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức	
Định hướng phát triển	
Rủi ro	
<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM</b>	<b>15</b>
Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	
Tình hình hoạt động đầu tư	
Tình hình tài chính	
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu	
<b>TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ</b>	<b>23</b>
Hội đồng quản trị	
Ban kiểm soát	
Ban điều hành	
Những thay đổi trong HĐQT, BKS, Ban điều hành	
Tình hình nhân sự	
Chính sách đối với người lao động	
<b>BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b>	<b>33</b>
Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh	
Tình hình tài chính	
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý	
Kế hoạch phát triển trong tương lai	
Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán	
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>41</b>
Đánh giá các mặt hoạt động của công ty	
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc	
Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị	
<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY</b>	<b>47</b>
Hoạt động của Hội đồng quản trị	
Hoạt động của Ban kiểm soát	
Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích	
Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ	
Hợp đồng, giao dịch với cổ đông nội bộ	
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015</b>	<b>55</b>



## THÔNG TIN CHUNG

- ★ Thông tin khái quát
  - ★ Quá trình hình thành và phát triển
  - ★ Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
  - ★ Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức
  - ★ Định hướng phát triển
  - ★ Rủi ro
- 
- A decorative background consisting of several overlapping, wavy bands of varying shades of green, ranging from light lime to a deeper forest green, creating a sense of movement and depth.







## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

<b>Tên công ty</b>	: CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333
<b>Tên tiếng anh</b>	: THE 333 SUGAR JOINT STOCK COMPANY
<b>Tên viết tắt</b>	: THE 333 SUCO
<b>Giấy CNĐKDN</b>	: Số 6000181156, thay đổi lần thứ 8 ngày 06/07/2015
<b>Vốn điều lệ</b>	: 83.314.090.000 VNĐ
<b>Địa chỉ</b>	: Thị trấn Eaknốp, Huyện Eakar, Tỉnh Đắk Lắk
<b>Số điện thoại</b>	: 0500 3829112
<b>Số fax</b>	: 0500 3829089
<b>Website</b>	: <a href="http://www.miaduong333.vn">www.miaduong333.vn</a>
<b>Email</b>	: <a href="mailto:miaduong333@gmail.com">miaduong333@gmail.com</a>
<b>Mã cổ phiếu</b>	: S33



# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty Cổ phần Mía đường 333 là Sư đoàn 333 - đơn vị quân đội thuộc quân khu 5, Bộ Quốc Phòng được thành lập từ tháng 10/1976 với nhiệm vụ làm kinh tế và bảo vệ an ninh quốc phòng khu vực phía Đông tỉnh Đắk Lắk.

**1976**

Tháng 10/1982, Sư đoàn 333 được chuyển giao Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm quản lý, đồng thời đổi tên thành Xí nghiệp Liên hợp Công Nông Lâm nghiệp 333 – trực thuộc Liên hiệp các xí nghiệp cà phê Việt Nam. Với 23 nông trường, xí nghiệp trực thuộc, hoạt động chủ yếu là hợp tác với Liên Xô trồng, sản xuất và chế biến cà phê.

**1982**

Theo Quyết định 38/CP tháng 04/1992 của Bộ Nông nghiệp và Công nghiệp thực phẩm, Liên hiệp các Xí nghiệp cà phê Việt Nam được giải thể. Sau đó, xí nghiệp Liên hợp Công Nông nghiệp 333 được đổi tên thành Xí nghiệp liên hợp 333 theo quyết định số 217/QĐ ngày 9/04/1993 của Bộ NN&CNTP.

**1992**

19/04/1997, theo quyết định số 130/QĐ của Tổng công ty Cà phê Việt Nam, Xí nghiệp Liên hợp Công Nông Lâm nghiệp 333 được đổi tên thành Công ty Mía đường 333. Đồng thời, dự án xây dựng nhà máy chế biến đường RS được phê duyệt với công suất thiết kế ban đầu là 500 tấn mía/ngày.

**1997**

Ngày 30 tháng 12 năm 2005, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ra quyết định số 3762/QĐ/BNN - ĐMDN về việc cổ phần hóa Công ty Mía đường 333 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Mía đường 333, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 28/06/2006 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số 40.03.000094 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đak Lak với vốn điều lệ ban đầu là 10 tỷ đồng.

**2005**



**2015**

Năm 2015, Vốn điều lệ của Công ty 83,314 tỷ đồng

**2012**

Năm 2012, Vốn điều lệ của Công ty tăng lên 83,314 tỷ đồng.

**2011**

Giai đoạn 2 khởi công tháng 5/2011 và chính thức đi vào hoạt động ngày 07/12/2011. Đến nay Công ty đã đi vào sản xuất ổn định với công suất ép 2.500 TMN, các chỉ tiêu cơ bản đáp ứng yêu cầu dự án.  
Năm 2011, Công ty đã tăng vốn điều lệ lên 39,674 tỷ đồng dưới hình thức chi trả cổ tức cho cổ đông.

**2010**

Năm 2010 tăng Vốn điều lệ lên 34,5 tỷ đồng qua 2 lần phát hành.

- 30/03/2010: tăng Vốn điều lệ từ 11,5 tỷ đồng lên 23 tỷ đồng
- 27/10/2010: tăng Vốn điều lệ từ 23 tỷ đồng lên 34,5 tỷ đồng

Công ty triển khai thực hiện dự án mở rộng công suất nhà máy mía đường từ 800 tấn mía ngày lên 2.500 tấn mía ngày theo 2 giai đoạn. Giai đoạn 1 của Dự án động thổ ngày 19/4/2010 và chính thức đi vào hoạt động ngày 31/12/2010.

**2009**

Tháng 9/2009, tăng Vốn điều lệ lên 11,5 tỷ đồng bằng hình thức phát hành 150.000 cổ phiếu để chi trả cổ tức.



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Sản xuất, chế biến đường mía
- Chế biến hạt điều nhân xuất khẩu;
- Sản xuất nước tinh khiết, nước ngọt có gas và không gas;
- Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Đại lý mua bán xăng dầu và chất bôi trơn động cơ;
- Trồng mía đường;
- Mua bán hàng vật tư nông nghiệp, nông sản;





### **ĐỊA BÀN KINH DOANH**

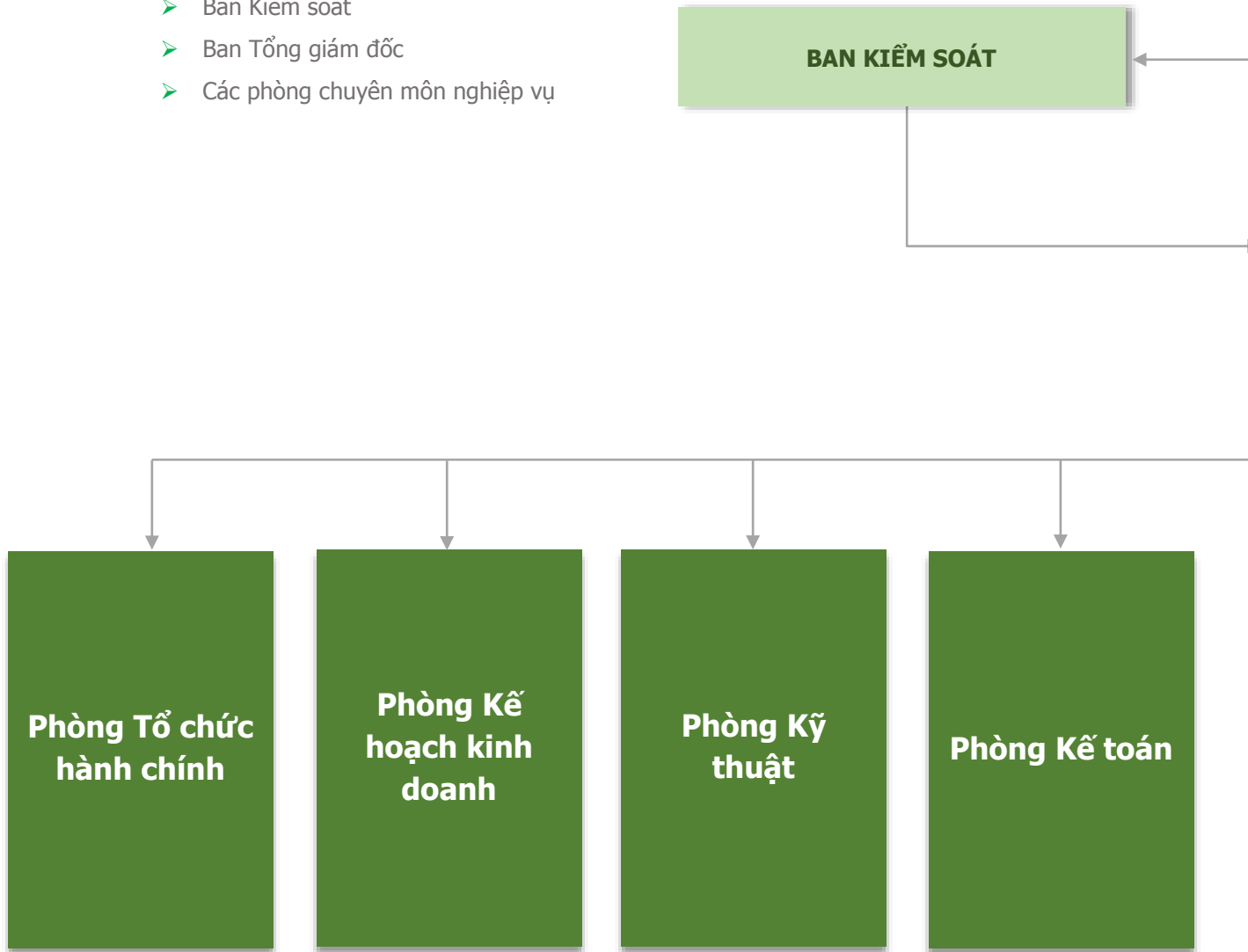
Chủ yếu ở Đắk Lắk và thành phố Hồ Chí Minh.

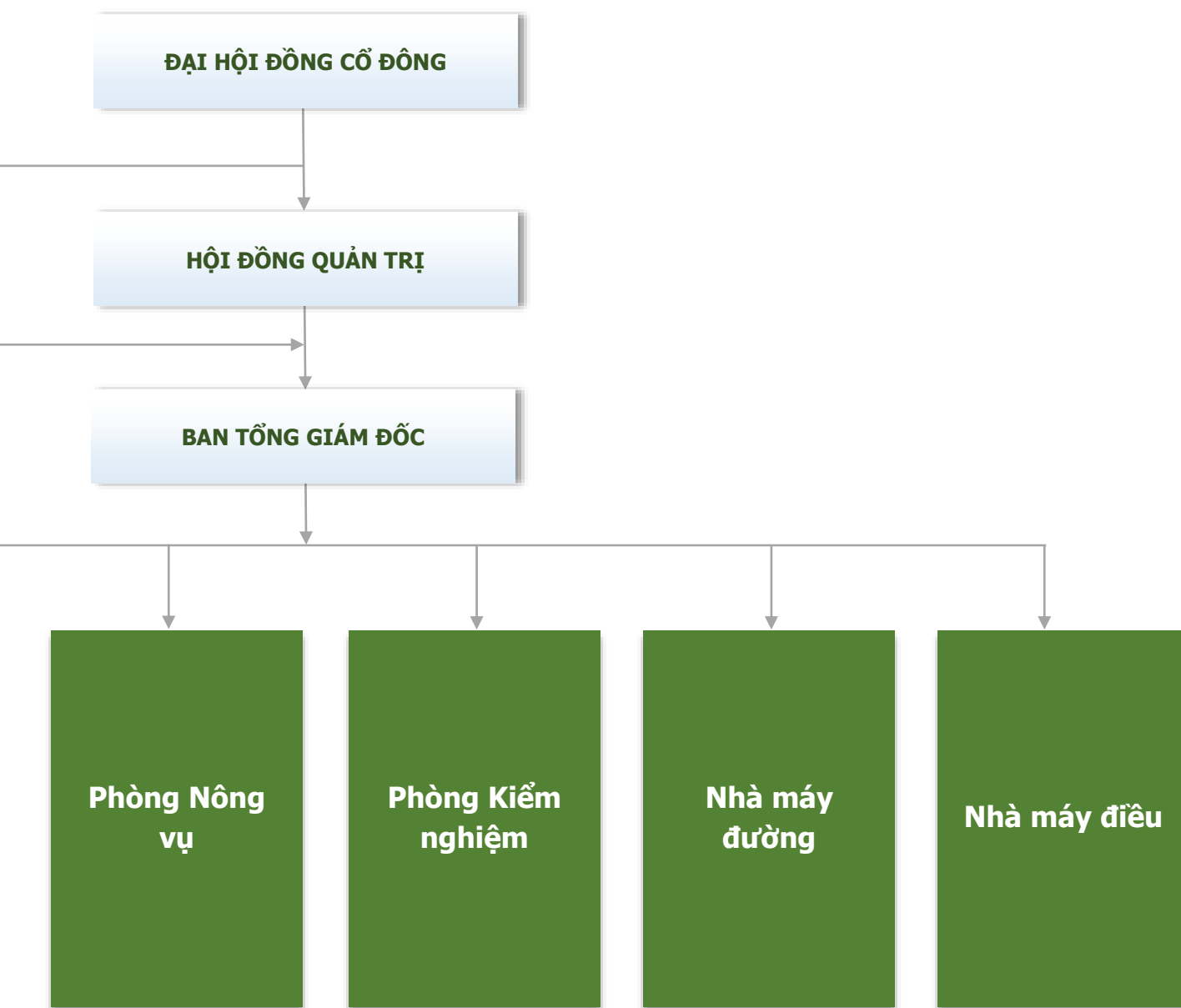


# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty được điều hành và quản lý theo mô hình quản trị gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng Quản trị
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng giám đốc
- Các phòng chuyên môn nghiệp vụ







## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN



### CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Tiếp tục phát triển thành công ty đa ngành lấy chế biến mía đường và sản xuất chế biến điều nhân xuất khẩu làm trọng tâm, từng bước mở rộng hoạt động sang lĩnh vực dịch vụ, sản xuất.
- Không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đạt các tiêu chí về chất lượng an toàn thực phẩm. Tìm kiếm lợi nhuận tối đa cho cổ đông, hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước.





### CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI

- Trong trung và dài hạn, Công ty chủ trương hiện đại hóa trang thiết bị, máy móc để tăng hiệu quả sản xuất, giảm tỷ lệ lãng phí nguyên vật liệu, đồng thời nâng cao chất lượng sản phẩm để vượt qua các rào cản về tiêu chuẩn kỹ thuật, mở rộng thị trường xuất khẩu.
- Ngoài ra, đảm bảo vùng nguyên liệu sạch và sản lượng ổn định để cung cấp cho các nhà máy chế biến nông sản nói chung và ép mía nói riêng cũng là một trong những chiến lược trọng tâm mà Công ty đang hướng đến.



### CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

- Môi trường: mở rộng hoạt động sản xuất đi kèm với áp dụng khoa học kỹ thuật bảo vệ môi trường, tạo sự phát triển bền vững.
- Xã hội: Công ty luôn gắn sự phát triển của mình với sự phát triển của xã hội, góp phần giảm gánh nặng của nhà nước, giải quyết các vấn đề xã hội. Cùng đồng hành và phát triển
- Cộng đồng: Công ty luôn hướng tới cân bằng lợi ích với cộng đồng, tạo việc làm và thu nhập cho người dân trong vùng nguyên liệu.

# ✓ RỦI RO



## Rủi ro kinh tế

Với lộ trình hội nhập đang ở giai đoạn mạnh mẽ và rộng khắp như hiện nay, ngành mía đường sẽ đón nhận cả cơ hội và không ít thách thức khi rào cản thuế xuất nhập khẩu sẽ về 0% đối với các nước ASEAN đến năm 2018. Ngoài việc xuất nhập khẩu, các doanh nghiệp nội hiện cũng đang cải thiện năng lực hoạt động và có nhiều chiến lược cạnh tranh để tăng thị phần trong nước và xuất khẩu. Bên cạnh đó, tình trạng đường nhập lậu đang là mối lo ngại đối với hầu hết các doanh nghiệp mía đường vì chưa có hướng giải quyết rõ ràng. Dự báo ngành mía đường sẽ còn gặp nhiều khó khăn do chi phí sản xuất còn cao hơn nhiều nước trong khu vực và trên Thế giới.

Để giải quyết vấn đề trên, Công ty đã tập trung các nhóm giải pháp vào vùng nguyên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí sản xuất để hạ giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh của Mía đường 333 Suco

Ngoài ra, vấn đề vận chuyển cũng được công ty quan tâm tìm cách tối ưu hoá chi phí để góp phần hạ giá thành sản phẩm, nâng cao tính cạnh tranh của Mía đường 333 Suco.



## Rủi ro nguyên liệu

Mía là nguyên liệu đầu vào quan trọng tại công ty. Vào những khoảng thời gian cao điểm trong năm, nếu nguồn cung mía đáp ứng tốt nhu cầu sản xuất thì quá trình hoạt động của công ty được đảm bảo diễn ra liên tục, tuy nhiên nếu nguồn cung không ổn định sẽ ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của S33. Bên cạnh đó khi giá cả loại nguyên liệu này biến động, chi phí sản xuất sẽ thay đổi làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

S33 đã xây dựng vùng nguyên liệu mía tập trung ở 14 xã phía Đông nam Tỉnh Đắk Lắk để đáp ứng cho công suất 350.000 tấn/năm của Công ty. Tại đây, Công ty đã tạo sự liên kết giữa các hộ trồng mía, hợp tác với Viện mía đường Việt Nam và tự nghiên cứu để chọn được những giống mía tốt, sinh trưởng mạnh, cho năng suất cao. Đồng thời hỗ trợ người nông dân các vấn đề liên quan đến canh tác, tưới tiêu và kể cả tài chính để đảm bảo việc trồng trọt được duy trì.



### **Rủi ro pháp luật**

Rủi ro pháp luật là loại rủi ro mang tính hệ thống, sự thay đổi của hành lang pháp lý đều có thể ảnh hưởng đến hoạt động và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Với mô hình hoạt động là Công ty cổ phần, S33 chịu tác động của các văn bản pháp luật nhưng Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật kế toán, Luật kiểm toán, Luật lao động,... ngoài ra, cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký giao dịch tại sàn Upcom, do đó Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật chứng khoán và các văn bản có liên quan.

Trong những năm gần đây, những văn bản pháp luật nói trên đều có sự thay đổi để phù hợp với lộ trình hội nhập kinh tế của Việt Nam ra khu vực và Thế giới. Công ty đã có nghiên cứu, ứng dụng và điều chỉnh sao cho phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với hoạt động của Công ty.

### **Rủi ro về lãi suất**

Trong năm, S33 có sử dụng vốn vay phục vụ cho quá trình hoạt động, chính vì thế khi lãi suất thay đổi sẽ tác động đến chi phí lãi vay cũng như khả năng thanh toán của công ty, bên cạnh đó lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng cũng sẽ bị ảnh hưởng. Để hạn chế loại rủi ro này, Công ty luôn có sự theo dõi tình hình biến động của lãi suất từ đó có thể đề ra những chiến lược sử dụng vốn vay an toàn, hiệu quả.

### **Rủi ro môi trường**

Trong quá trình sản xuất, các phế phẩm thải ra môi trường sẽ gây ảnh hưởng đến nguồn nước, môi sinh của người dân xung quanh khu vực sản xuất. Vì vậy, Công ty đã chủ động xây dựng và duy trì hệ thống xử lý chất thải đáp ứng quy định hiện hành trong lĩnh vực của mình.



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

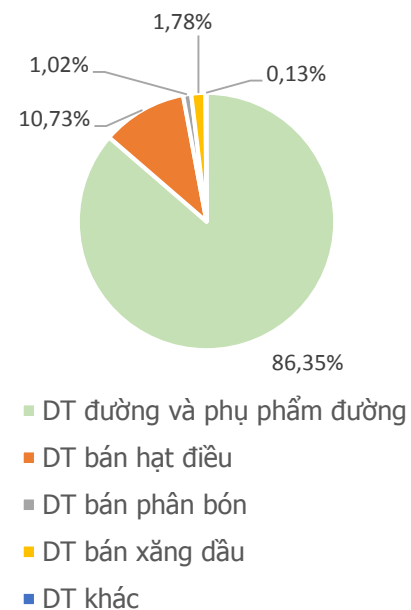
- ★ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- ★ Tình hình hoạt động đầu tư
- ★ Tình hình tài chính
- ★ Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Khoản mục	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
DT đường và phụ phẩm đường	452.063.774.571	85,01%	409.876.056.576	86,35%
DT bán hạt điều	59.460.851.650	11,18%	50.909.939.928	10,73%
DT bán phân bón	9.601.751.362	1,81%	4.842.563.958	1,02%
DT bán xăng dầu	9.800.830.257	1,84%	8.429.806.853	1,78%
DT khác	834.762.546	0,16%	604.456.365	0,13%
<b>Tổng cộng</b>	<b>531.761.970.386</b>	<b>100%</b>	<b>474.662.823.680</b>	<b>100%</b>

**Cơ cấu doanh thu 2015**



Năm 2015 vừa qua các doanh nghiệp mía đường nói chung gặp không ít khó khăn. Hạn hán kéo dài, biến đổi khí hậu đã ảnh hưởng trực tiếp đến vùng mía nguyên liệu, ngoài việc gia tăng chi phí để đảm bảo chăm sóc cho cây mía thì chi phí vận chuyển cũng còn là vấn đề đáng lưu ý. Bên cạnh đó, tình hình đường nhập lậu từ Thái Lan ngày càng gia tăng và khó kiểm soát đã ảnh hưởng không ít đến thị trường chung. Ước tính trung bình hằng năm có khoảng 300-500 nghìn tấn đường nhập lậu, chiếm khoảng 30% tổng sản lượng đường sản xuất trong nước. Giá đường tại Thái Lan đang thấp hơn trong nước từ 1.000 đến 1.500 đồng/kg, vì vậy mà vấn đề này đã ảnh hưởng đến tình hình tiêu thụ của các nhà máy đường, làm cho hàng tồn kho tăng cao trong những năm trở lại đây.

Trong tình hình chung này, Công ty cũng đã gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV, Công ty đã có nhiều giải pháp kịp thời để tháo gỡ các vấn đề, đảm bảo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Doanh thu từ bán đường và phụ phẩm vẫn duy trì tỷ lệ cao nhất trong tổng doanh thu, thể hiện vai trò chủ lực trong hoạt động của Công ty. Doanh thu từ hạt điều trong năm đạt 50,9 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10,73% doanh thu bán hàng và là chỉ đứng sau doanh thu chính. Riêng tình hình mặt hàng phân bón trong năm không thuận lợi nên doanh thu đã giảm đi gần phân nửa so với năm trước. Cả năm tổng doanh thu đạt 474,66 tỷ đồng, giảm 10,74% so với cùng kỳ năm 2014.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM



## TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

Năm qua công ty không có thực hiện các khoản đầu tư lớn.

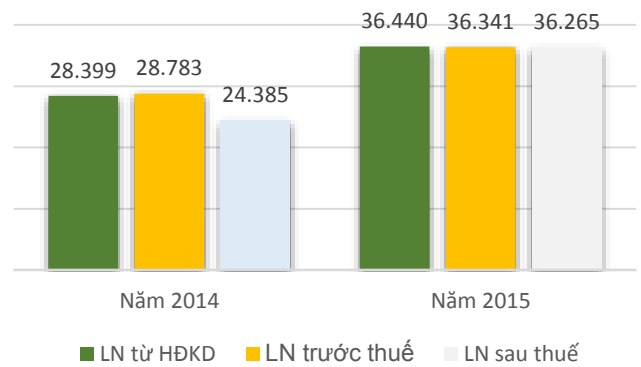
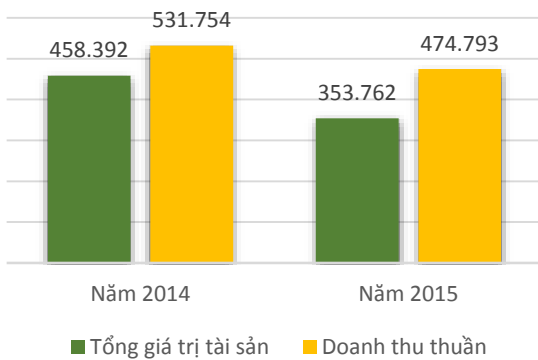


# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	458.392	353.762	-22,83%
Doanh thu thuần	Triệu đồng	531.754	474.793	-10,71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	Triệu đồng	28.399	36.440	28,31%
Lợi nhuận khác	Triệu đồng	383,769	-99,551	-125,94%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	28.783	36.341	26,26%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	24.385	36.265	48,72%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	%	15%	15%	-

Tổng giá trị tài sản của Công ty đã giảm 22,83% đạt mức 353,762 triệu đồng do trong năm cả tài sản ngắn hạn lẫn tài sản dài hạn đều có sự sụt giảm, doanh thu thuần cũng đã giảm 10,71% so với năm trước. Tuy nhiên lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh, lợi nhuận sau thuế lẫn lợi nhuận trước thuế đều có sự chuyển biến tích cực.





**CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU**

Các chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,13	1,27
Hệ số thanh toán nhanh	0,90	1,15
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	37,44%	53,08%
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	59,83%	113,15%
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho	23,06	10,58
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân	1,17	1,03
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	7,64%	4,59%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	16,62%	12,03%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	8,93%	4,74%
Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	7,65%	5,34%



# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG VÀ THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



## CỔ PHẦN

- Cổ phần phổ thông : 8.331.409 cổ phần
- Cổ phần ưu đãi : 0 cổ phần
- Số lượng cổ phần đang lưu hành : 8.331.409 cổ phần
- Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần
- Mệnh giá : 10.000 VNĐ
- Số lượng CP hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

**CƠ CẤU CỔ ĐÔNG NĂM 2015**

<b>Cổ đông</b>	<b>Số lượng cổ đông</b>	<b>Số lượng CP năm giữ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
Cổ đông trong nước	252	7.384.092	88,63 %
Cổ đông nước ngoài	0	0	0,00 %
Cổ đông nhà nước	1	947.317	11,37 %
<b>Tổng cộng</b>	<b>253</b>	<b>8.331.409</b>	<b>100,00 %</b>
Cổ đông tổ chức	4	3.074.752	36,91 %
Cổ đông cá nhân	249	5.256.657	63,09 %
<b>Tổng cộng</b>	<b>253</b>	<b>8.331.409</b>	<b>100,00 %</b>

**DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN**

<b>STT</b>	<b>Loại cổ đông</b>	<b>Số lượng CP năm giữ</b>	<b>Tỷ lệ</b>
1	Tổ chức	3.021.807	36,27 %
2	Cá nhân	3.388.752	40,67 %
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.410.559</b>	<b>100,00 %</b>

**TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CHỦ SỞ HỮU**

Không có

**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ**

Không có

**CÁC CHỨNG KHOÁN KHÁC**

Không có

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- ★ Hội đồng quản trị
- ★ Ban kiểm soát
- ★ Ban điều hành
- ★ Những thay đổi trong HĐQT, BKS, Ban điều hành
- ★ Tình hình nhân sự
- ★ Chính sách đối với người lao động



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CƠ CẤU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	26/06/2015	22/11/2014	0,22%
2	Ông Trần Kim Dũng	Thành viên	26/06/2015	15/05/2010	0,00%
3	Ông Nguyễn Thanh Ngữ	Thành viên	26/06/2015	20/06/2013	0,00%
4	Ông Nguyễn Bá Thành	Chủ tịch		26/06/2015	0,00%
5	Ông Phan Xuân Thủy	Phó Chủ tịch		26/06/2015	17,09%
6	Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên		26/06/2015	3,76%
7	Ông Đoàn Ngọc Sơn	Thành viên		26/06/2015	0,00%
8	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên		26/06/2015	0,00%

### CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT

Hiện nay Công ty không thành lập Tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị



## BAN KIỂM SOÁT

### CƠ CẤU BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Ngày bổ nhiệm	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Ông Lê Văn Hòa	Trưởng ban	26/06/2015		0,00%
2	Bà Nguyễn Thị Thanh	Thành viên	26/06/2015		0,04%
3	Ông Lê Tuân	Thành viên	26/06/2015		0,40%
4	Bà Trần Thị Nhi	Trưởng ban		26/06/2015	0,00%
5	Ông Nguyễn Bá Khiêm	Thành viên		26/06/2015	0,00%
6	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Thành viên		26/06/2015	0,22%



# BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

## CƠ CẤU BAN ĐIỀU HÀNH

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phan Xuân Thủy	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2011
Ông Nguyễn Ngọc Thọ	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 05/08/2011
Ông Lê Ngọc Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/12/2014
Ông Nguyễn Xuân Quang	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm lại ngày 30/06/2011

## SƠ YẾU LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

### Ông PHAN XUÂN THỦY – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Năm sinh	1959
Quê quán	Xã Thạch Khê, Huyện Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế (ĐH Bách Khoa Đà Nẵng), Cử nhân Luật (ĐH Huế) và Cao cấp lý luận chính trị
<b>Quá trình công tác</b>	
08/1976-05/1980	Kế toán tổng hợp tại Xí nghiệp 725, sư đoàn 333
06/1980-12/1988	Kế toán trưởng, cùng đơn vị
01/1989-09/2000	Kế toán trưởng tại XNLH 33 – Công ty mía đường 333
10/2000-06/2003	Phó giám đốc tại Công ty mía đường 333
07/2003-06/2006	Giám đốc
07/2006-Nay	Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc
Số CP nắm giữ và đại diện	2.371.134 cổ phần – tỷ lệ 28,46%



**Ông NGUYỄN NGỌC THỌ – Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh	02/01/1964
Quê quán	Xã Phong An, Huyện Phong Điền, Tỉnh Thừa Thiên Huế
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư Cơ Khí (ĐH Bách Khoa Đà Nẵng)

**Quá trình công tác**

10/1988-07/1991	Trợ lý kỹ thuật tại Xí nghiệp VTVT D19- Sư đoàn 333
12/1993-12/1995	Trợ lý cơ khí tại Xí nghiệp liên hợp NCLN 333
01/1996-04/1998	Phó phòng kỹ thuật tại Công ty Mía đường 333
05/1998-08/2011	Trưởng phòng kỹ thuật tại Công ty CP mía đường 333
09/2011-Nay	Phó Tổng Giám đốc tại Công ty CP Mía đường 333
Số cổ phiếu sở hữu và đại diện	102.067 cổ phần – tỷ lệ 1,225%

**Ông NGUYỄN XUÂN QUANG – Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng**

Năm sinh	1958
Quê quán	Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An
Trình độ chuyên môn	Trung cấp kế toán (Trường trung cấp quản lý Xuân Mai)

**Quá trình công tác**

12/1980-06/1990	Kế toán tổng hợp tại XN cửa mộc 62, Đak Lak
07/1990-06/1993	Kế toán trưởng tại XN Kiến Trúc 723, XNLH 333
07/1993-10/1993	Kế toán tại XN Giao thông thủy lợi, XNLH 333
11/1993-05/1996	Kế toán tại Công ty Mía đường 333
06/1996-09/2000	Phó kế toán trưởng tại Công ty Mía đường 333
10/2001-06/2006	Kế toán trưởng tại Công ty Mía đường 333
07/2006-06/2015	TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng tại Công ty CP Mía đường 333
06/2015-Nay	TV HĐQT kiêm Kế toán trưởng Công ty CP Mía đường 333
Số cổ phiếu sở hữu và đại diện	312.813 cổ phần – tỷ lệ 3,755%

### **Ông LÊ NGỌC NHƠN – Phó Tổng Giám đốc**

Năm sinh	1962
Quê quán	Phước Lộc – Tuy Phước – Bình Định
Trình độ chuyên môn	Kỹ Sư Trồng trọt (Trường Đại học Tây Nguyên)
Quá trình công tác	
12/1983-06/1986	Công nhân tại XNLHNCLN 333
07/1986-12/1989	Học đại học Tây nguyên
01/1990-10/1994	Cán bộ kỹ thuật nông nghiệp tại XNLH 333
11/1994-11/2014	Phó Xưởng Đường, Phó phòng kỹ thuật, phó phòng nông vụ, trưởng phòng kỹ thuật Công ty CP Mía đường 333
12/2014-Nay	Phó Tổng Giám đốc phụ trách nguyên liệu, ISO, môi trường
Số cổ phiếu sở hữu và đại diện	80.473 cổ phần – tỷ lệ 0,97%



# NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

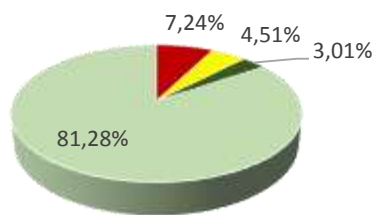
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<b>Hội đồng quản trị</b>				
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	22/11/2014	26/6/2015
2	Ông Trầm Kim Dũng	Thành viên	15/05/2010	26/6/2015
3	Ông Nguyễn Thanh Ngử	Thành viên	20/06/2013	26/6/2015
4	Ông Nguyễn Bá Thành	Chủ tịch	26/06/2015	
5	Ông Phan Xuân Thủy	Phó Chủ tịch	26/06/2015	
6	Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	26/06/2015	
7	Ông Đoàn Ngọc Sơn	Thành viên	26/06/2015	
8	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên	26/06/2015	
<b>Ban kiểm soát</b>				
1	Ông Lê Văn Hòa	Trưởng BKS	29/6/2007	26/6/2015
2	Ông Lê Tuân	TV BKS	20/6/2011	26/6/2015
3	Bà Nguyễn Thị Thanh	TV BKS	20/6/2011	26/6/2015
4	Bà Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	26/6/2015	
5	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	TV BKS	26/6/2015	
6	Ông Nguyễn Bá Khiêm	TV BKS	26/6/2015	
<b>Ban điều hành</b>				
1	Ông Phan Xuân Thủy	Tổng Giám đốc	26/06/2006	
2	Ông Nguyễn Ngọc Thọ	Phó Tổng Giám đốc	03/2012	
3	Ông Lê Ngọc Nhơn	Phó Tổng Giám đốc	12/2014	
4	Ông Tạ Thanh An	Phó Tổng Giám đốc	06/2008	19/3/2015



## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ

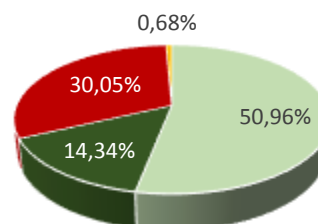
Tính chất phân loại	2014	Tỷ lệ 2014	2015	Tỷ lệ 2015
<b>Theo trình độ</b>	<b>703</b>	<b>100,00%</b>	<b>567</b>	<b>100%</b>
Cao đẳng, đại học, trên đại học	53	7,24%	61	10,76%
Trung cấp chuyên nghiệp	33	4,51%	31	5,47%
Sơ cấp chuyên nghiệp	22	3,01%	20	3,53%
Phổ thông và công nhân kỹ thuật	595	81,28%	455	80,25%
<b>Theo hợp đồng lao động</b>	<b>703</b>	<b>100,00%</b>	<b>567</b>	<b>100%</b>
Hợp đồng có xác định thời hạn	373	50,96%	15	2,65%
Hợp đồng không xác định thời hạn	105	14,34%	401	70,72%
Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	220	30,05%	151	26,63%
Hợp đồng thử việc	5	0,68%	0	0,00%

**Cơ cấu lao động theo trình độ**



- Cao đẳng, đại học, trên đại học
- Trung cấp chuyên nghiệp
- Sơ cấp chuyên nghiệp
- Phổ thông và công nhân kỹ thuật

**Cơ cấu lao động theo tính chất hợp đồng**

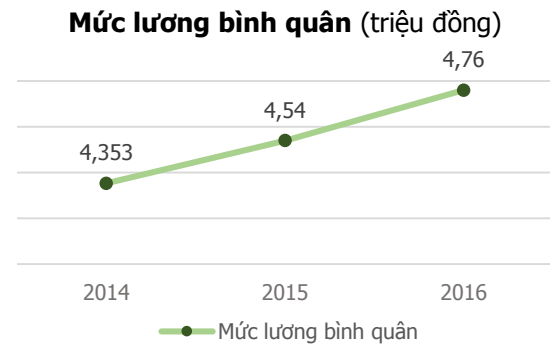


- Có xác định thời hạn
- Không xác định thời hạn
- Theo thời vụ



# CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2015	4.353.000
2	2014	4.540.000
3	2013	4.760.000



Nhân lực là nguồn lực vô cùng quan trọng đối với Công ty trong suốt quá trình hoạt động và được Ban lãnh đạo xác định là yếu tố then chốt cho tiến trình phát triển năng lực cạnh tranh của Công ty. Nhằm tạo một môi trường làm việc thân thiện, năng động và chuyên nghiệp, Công ty cam kết thực hiện đúng đắn chính sách lương, bảo hiểm, chế độ theo quy định và các phúc lợi theo quy chế đãi ngộ của chính Công ty cho người lao động

- Trả lương đúng thời hạn theo hợp đồng lao động;
- Tuân thủ quy định về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế;
- Đối với các trường hợp như thai sản, nghỉ hưu, đau ốm Công ty đều ưu tiên giải quyết nhanh chóng, tránh gây phiền hà cho người lao động;
- Thời gian làm việc, nghỉ lễ, tết, và các chính sách lao động khác theo quy định đều được Công ty thực hiện trên tinh thần tôn trọng người lao động và pháp luật.
- Ngoài ra, để khuyến khích tinh thần làm việc, Công ty còn đề ra chính sách khen thưởng, thăng tiến, đãi ngộ phù hợp với những đóng góp của CBCNV.
- Công nhân viên ở từng bộ phận được tham gia vào các chương trình đào tạo khi có chương trình phù hợp, tùy thuộc vào nhu cầu thực tiễn của Công ty về sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, Công ty tạo điều kiện cho CBCNV có cơ hội nâng cao kiến thức, trình độ của bản thân.
- Công ty còn thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa, thể thao, đảm bảo sức khỏe tinh thần và thể chất cho người lao động.

# BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



- ★ Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh
- ★ Tình hình tài chính
- ★ Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý
- ★ Kế hoạch phát triển trong tương lai
- ★ Giải trình của Ban Tổng Giám đốc với ý kiến kiểm toán



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2014	KH 2015	TH 2015	TH2015/ TH2014	TH2015/ KH2015
Tổng doanh thu	1.000đ	531.761.970	495.052.740	474.662.823	89,26%	95,88%
Tổng chi phí	1.000đ	518.061.878	461.279.731	447.373.254	86,36%	96,99%
Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	28.783.089	26.861.746	36.340.642	126,26%	135,29%
Các khoản nộp ngân sách	1.000đ	21.175.000	23.194.581	21.918.818	103,51%	94,50%
Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	24.384.959	24.547.833	36.264.997	148,72%	442,45%

Một số khó khăn chung như thời tiết, tồn kho cao và trạng đường nhập lậu trong năm qua đã làm cho các chỉ tiêu về doanh thu không đạt như năm trước cũng và đạt 95%,88 so với kế hoạch.

Ứng phó với tình trạng hạn hán, thiết nước trong năm qua, Công ty đã hỗ trợ các hộ trồng mía đào ao, tích nước để tưới tiêu kịp thời. Đội ngũ kỹ sư đã đến tận địa bàn nguyên liệu để hỗ trợ cho người dân các vấn đề kỹ thuật. Ngoài ra, Công ty cũng đã ứng trước tiền cho các hộ gia đình để đảm bảo duy trì trồng trọt. Riêng với tình trạng nhập lậu đường, vấn đề này đã tồn tại trong những năm qua và gây nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp trong ngành vì giá đường tại Thái Lan thấp hơn đường trong nước.

Tổng chi phí năm qua cũng được siết chặt và kiểm soát tốt nên đã giảm so với 2014 và chưa chạm đến mốc dự kiến. Nhờ vậy mà lợi nhuận đã tăng trưởng vượt mong đợi.





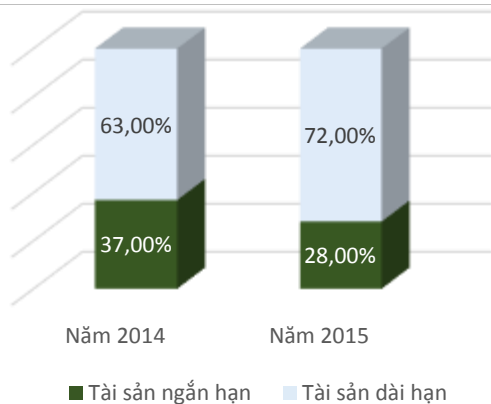


# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

## TÌNH HÌNH TÀI SẢN

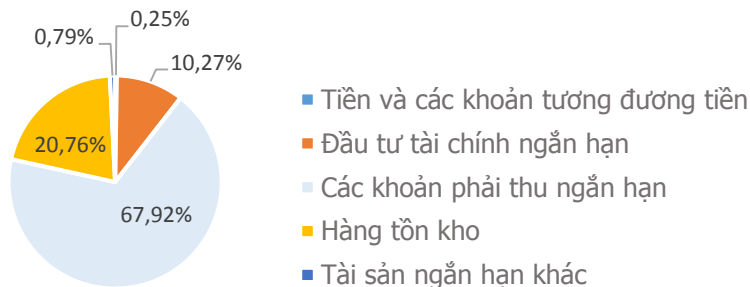
ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		2015/2014
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	168.642.183.402	18,39%	97.357.262.694	28%	57,73%
Tài sản dài hạn	289.749.431.465	31,61%	256.404.831.456	72%	88,49%
Tổng tài sản	458.391.614.867	50,00%	353.762.094.150	100%	77,17%



Tổng tài sản của công ty đã giảm 22,83% so với năm 2014, cơ cấu tài sản có sự thay đổi làm tăng tỷ trọng tài sản dài hạn, giảm tỷ trọng tài sản ngắn hạn.

### Cơ cấu TSNH 2015



Trong năm tài sản ngắn hạn của công ty đã giảm 42,27% so với năm trước, tiền và các khoản tương đương tiền giảm hơn 11,2 tỷ do các khoản tiền gửi ngân hàng của công ty trong năm sụt giảm. Bên cạnh đó trong năm khoản tiền gửi kỳ hạn 12 tháng của công ty tại Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh Đắk Lắk đến ngày đáo hạn làm đầu tư tài chính ngắn hạn sụt giảm hơn 11,1 tỷ. Ngoài ra, khoản vốn mà S33 đã ứng trước nhằm phục vụ công tác trồng mía nguyên liệu từ Ngân hàng Vietcombank và Ngân hàng Phương Đông trong năm cũng đã giảm đáng kể hơn 53,2 tỷ. Về cơ cấu, các khoản phải thu ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn nhất 67,92%, tiếp đến là hàng tồn kho, đầu tư tài chính ngắn hạn...

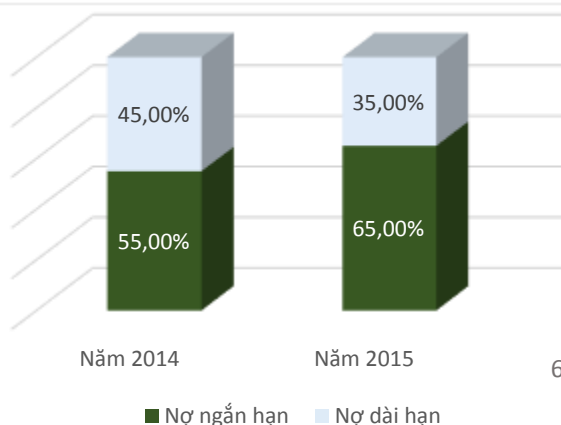
Đối với tài sản dài hạn, khoản mục này trong năm đã giảm 11,51% so với năm 2014, nguyên nhân chủ yếu do khoản hao mòn lũy kế của tài sản cố định tăng lên làm tài sản cố định giảm hơn 31 tỷ. Xét về cơ cấu, tài sản cố định chiếm tỷ trọng lớn nhất trong năm, tiếp đến là các khoản mục tài sản dở dang dài hạn, tài sản dài hạn khác.



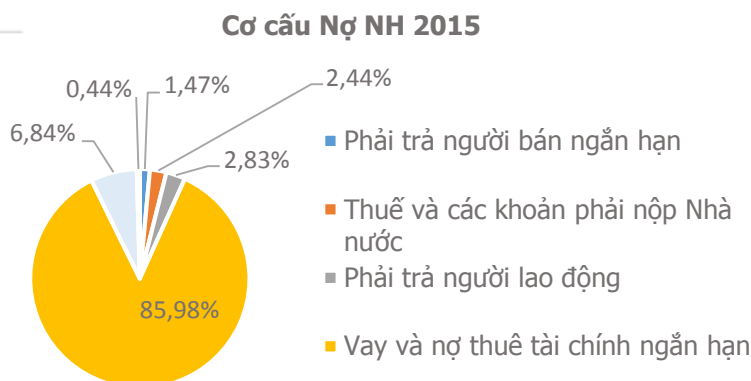
**TÌNH HÌNH TÀI SẢN**

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015		2015/2014
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	133.100.213.504	55%	86.093.647.099	65%	64,68%
Nợ dài hạn	110.234.849.747	45%	46.338.849.747	35%	42,04%
Nợ phải trả	243.335.063.251	100%	132.432.496.846	100%	54,42%



Nợ phải trả của công ty đã giảm 45,58% so với năm trước, cơ cấu nợ phải trả có sự thay đổi theo hướng tăng tỷ trọng nợ ngắn hạn, giảm tỷ trọng nợ dài hạn.



Năm 2015, nợ ngắn hạn của công ty đã giảm 35,32% so với năm 2014, khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn đã giảm hơn 50,8 tỷ do các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng Á Châu và Ngân hàng Phương Đông Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk đã có sự sụt giảm trong năm. Bên cạnh đó thuế và các khoản phải nộp Nhà nước cũng đã giảm hơn 2,2 tỷ đồng. Về cơ cấu, các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn nhất, tiếp theo là khoản phải trả ngắn hạn khác, phải trả người lao động...

Nợ dài hạn trong năm có sự sụt giảm khá lớn 57,96% so với năm 2014, khoản mục người mua trả tiền trước dài hạn đã giảm 41 tỷ đồng. Ngoài ra, do trong năm các khoản tiền được S33 vay từ CT TNHH Mua bán nợ Việt Nam – CN Đà Nẵng và Ngân hàng Á Châu – CN Đắk Lắk có sự sụt giảm nên đã làm vay và nợ thuê tài chính dài hạn giảm hơn 22,8 tỷ. Xét về cơ cấu, nợ dài hạn của công ty năm 2015 chỉ bao gồm khoản mục vay và nợ thuê tài chính dài hạn.



## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- Luôn luôn xác định công tác quản trị nhân sự đóng vai trò quan trọng trong hiệu quả hoạt động của Công ty, tạo mọi điều kiện thuận lợi và môi trường làm việc để phát huy tối đa năng lực, trí tuệ của tập thể và cá nhân, bố trí lao động hợp lý tại các phòng ban và trên dây chuyền sản xuất đảm bảo không lãng phí và đáp ứng công việc cao. Tuy nhiên đây là vấn đề thường xuyên và liên tục trong công tác quản lý do đó BDH chỉ đạo luôn rà soát bố trí lao động hợp lý sau mỗi vụ ép và BDSC phù hợp theo năng lực và công việc.
- Thường xuyên xem xét thực hiện việc chi trả lương, thưởng, các chế độ đãi ngộ cho CBNV kịp thời, tuân thủ quy định của pháp luật, quy định của Công ty.
- Tăng cường phân quyền cho Trưởng các bộ phận để đảm bảo tính hiệu quả, sâu sát và nhanh chóng trong việc triển khai các công việc theo kế hoạch của Công ty.
- Rà soát, đánh giá và khắc phục kịp thời tồn tại trong công tác quản lý, đảm bảo sự thấu hiểu về quy trình công việc từ lãnh đạo đến các nhân viên, thông qua quy trình quản lý của hệ thống ISO 9001: 2008.



## ✓ KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2016


STT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2015	KH 2016	% tăng, giảm
1	Tổng doanh thu	1.000đ	474.662.823	394.045.625	83,02%
2	Tổng chi phí	1.000đ	447.373.254	347.365.146	77,65%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	36.340.642	46.680.479	128,45%
4	Các khoản nộp ngân sách	1.000đ	21.918.818	17.291.742	78,89%
6	Lợi nhuận sau thuế	1.000đ	36.264.997	46.673.271	128,70%

## ✓ GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN VIÊN

Không có



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ★ Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty
  - ★ Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
  - ★ Kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị
- 
- A decorative background consisting of several overlapping, wavy, light green and yellow-green shapes that create a sense of movement and depth. The shapes are soft and ethereal, blending into each other.



## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Dù gặp nhiều khó khăn trong năm qua khi tình hình thời tiết không thuận lợi, cạnh tranh từ các doanh nghiệp trong nước và kể cả tình trạng nhập lậu diễn biến khó kiểm soát, Công ty đã đạt được những thành quả nhất định. Tuy rằng doanh thu chưa thực sự như mong đợi, nhưng kết quả cuối cùng về lợi nhuận đã vượt chỉ tiêu mà Đại hội đặt ra, thậm chí tăng trưởng tốt so với cùng kỳ năm 2014.

### **Hoạt động sản xuất, kinh doanh**

- Chỉ đạo tốt công tác sản xuất chế biến mía đường vụ 14/15 với các chỉ tiêu cơ bản tốt hơn vụ trước.
- Chỉ đạo sản xuất kinh doanh sản phẩm đường, điều nhân xuất khẩu năm 2015 đạt hiệu quả cao hơn kế hoạch đề ra.

### **Hoạt động khác**

Thực hiện nghiêm túc theo quy định tại Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 5/4/2012 và các quy định của UBCK. Chỉ đạo việc thực hiện báo cáo đầy đủ, minh bạch, đúng quy định đối với doanh nghiệp niêm yết.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị tập trung giám sát tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015, tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước bị ảnh hưởng suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động Công ty, kịp thời điều chỉnh thích ứng với tình hình mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa Công ty vượt qua những khó khăn thách thức... để mang lại hiệu quả SXKD mức cao nhất. Theo đó năm 2015 lợi nhuận trước thuế đạt 126,3 % kế hoạch đề ra, góp phần tạo ổn định đời sống của CB.CNV-LĐ và hơn 4.000 hộ trồng mía và dịch vụ theo cây mía.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc cùng toàn thể CBCNV của công ty đã khắc phục khó khăn, thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất chế biến đường điều, nâng cao năng suất lao động, nâng cao công tác quản lý và phát triển vùng nguyên liệu theo hướng tăng năng suất – chất lượng, nâng cao hiệu quả của thiết bị công nghệ, bám sát thị trường đẩy mạnh công tác bán hàng, giải pháp về tài chính nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí tài chính và tiết kiệm chi phí sản xuất kinh doanh.

Với những nỗ lực để khắc phục những khó khăn bất thường trong năm qua, HĐQT cho rằng Ban TGD đã rất linh hoạt, nhanh chóng đưa ra biện pháp tháo gỡ khó khăn và duy trì tốt các hoạt động của Công ty.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Tập trung chỉ đạo Ban điều hành thực hiện công tác tổ chức, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh để thực hiện thắng lợi kế hoạch sản xuất mía đường vụ 2015- 2016 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.
- Tiếp tục quan tâm đến việc xây dựng, phát triển vững chắc vùng mía nguyên liệu với những chủ trương chính sách đầu tư, thâm canh, thu mua ngày càng hợp lý, hiệu quả hơn; đáp ứng đủ nguyên liệu cho sản xuất ổn định; Chú trọng vào công tác cơ cấu bộ mía giống, chăm sóc, thâm canh và bảo vệ thực vật phòng chống sâu, bệnh kịp thời...
- Làm tốt hơn, thường xuyên hơn, chất lượng cao hơn công tác môi trường, sản xuất sạch hơn, hài hoà lợi ích của doanh nghiệp với cộng đồng.
- Thực hiện tốt giải pháp về tài chính, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, giảm chi phí sử dụng vốn. Giám sát quá trình thu nợ đầu tư để có vốn tái đầu tư vùng nguyên liệu và hoạt động sản xuất kinh doanh.



- Thực hiện nghiêm túc Quy chế quản trị Công ty theo tinh thần phát huy cao tính chủ động, sáng tạo và kỷ cương. Tăng cường công tác quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro, giám sát và ngăn ngừa, xử lý những rủi ro trong quá trình hoạt động. Tiếp tục nghiên cứu bổ sung nhằm hoàn thiện hệ thống quy chế quản lý, quản trị DN. Tổ chức thông tin và cập nhật thông tin tình hình phát triển, những khó khăn thuận lợi của Công ty đến các cổ đông.
- Tiếp tục rà soát, củng cố, hoàn thiện bộ máy tổ chức sao cho hợp lý, hiệu quả, theo hướng phát huy được khả năng sáng tạo, năng lực của đội ngũ cán bộ chủ chốt, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát trong hoạt động sản xuất kinh doanh ở các khâu, các đơn vị trong toàn Công ty.
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc, Trưởng các đơn vị nghiêm túc thực hiện những nội dung hạn chế, tồn tại theo yêu cầu, kiến nghị của Ban kiểm soát.
- Tạo điều kiện thuận lợi và phát huy vai trò của cá nhân và tập thể, đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, phát huy văn hoá doanh nghiệp, tổ chức và nâng cao các hoạt động văn hoá thể thao du lịch cải thiện đời sống tinh thần cho toàn thể cán bộ công nhân lao động ngày càng gắn bó yêu mến Công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- ★ Hoạt động của Hội đồng quản trị
- ★ Hoạt động của Ban kiểm soát
- ★ Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích
- ★ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ
- ★ Hợp đồng, giao dịch với cổ đông nội bộ



## HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Nghĩa	Chủ tịch	02	100%		Miễn nhiệm 26/06/2015
2	Ông Trần Kim Dũng	Thành viên	02	100%	Ủy quyền	Miễn nhiệm 26/06/2015
3	Ông Nguyễn Thanh Ngử	Thành viên	02	100%	Ủy quyền	Miễn nhiệm 26/06/2015
4	Ông Nguyễn Bá Thành	Chủ tịch	02	100%		Bổ nhiệm 26/06/2015
5	Ông Phan Xuân Thủy	Phó Chủ tịch	04	100%		Bổ nhiệm 26/06/2015
6	Ông Nguyễn Xuân Quang	Thành viên	04	100%		Bổ nhiệm 26/06/2015
7	Ông Đoàn Ngọc Sơn	Thành viên	02	100%		Bổ nhiệm 26/06/2015
8	Ông Trần Ngọc Hiếu	Thành viên	02	100%		Bổ nhiệm 26/06/2015

**CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2015 CỦA HĐQT**

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01 /2015/NQ-HĐQT	12/02/2015	Thống nhất Chủ trương hỗ trợ đầu tư vùng nguyên liệu mía của Công ty cho vụ 2015-2016
2	02 /2014/NQ-HĐQT	12/2/2015	Thông qua Kế hoạch SXKD vụ 2014-2015 - năm 2015
3	03 /2015/NQ-HĐQT	22/4/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>– Thông qua Báo cáo Kết quả SXKD năm 2014 – Kết luận của kiểm toán về Báo cáo tài chính năm 2014.</li><li>– Báo cáo tình hình thực hiện sản xuất kinh doanh quý 1/2015- Kế hoạch quý 2 /2015.</li><li>– Báo cáo công tác nguyên liệu mía vụ 2014/2015 và Kế hoạch đầu tư cho vụ 2015/2016. Các giải pháp, chính sách để thực hiện nhiệm vụ .</li><li>– Một số nội dung ĐHCĐ thường niên năm 2015. ( Dự kiến từ 20 - 30/6/2015)</li><li>– Một số nội dung khác.</li></ul>
4	04 /2015/NQ-HĐQT	16/5/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>– Thống nhất chủ trương cho mua 02 máy tách vỏ hạt điều để thay thế nhân công trong tình hình khan hiếm lao động; trước mắt mua 01 cái để phục vụ sản xuất theo nội dung tờ trình.</li></ul>
5	05 /2015/NQ-HĐQT	29/5/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>– Thống nhất Chủ trương hỗ trợ tiền cước vận chuyển mua mía giống để đầu tư vùng nguyên liệu mía của Công ty cho vụ 2015-2016.</li></ul>
6	06 /2015/NQ-HĐQT	22/6/2015	<ul style="list-style-type: none"><li>– Thống nhất chủ trương cho đầu tư lắp đặt mới 01 máy ly tâm A gián đoạn tự động:<ul style="list-style-type: none"><li>+ Model KB – 1500 của Nhà sản xuất THYSSSENKRUPP - Ấn độ.</li><li>+ Công suất 1.500kg/mẻ; 20-22 mẻ/giờ.</li></ul></li><li>– Lắp đặt mới 01 thiết bị trợ tinh đứng liên tục đường non C.</li></ul>
7	07 /2015/NQ-HĐQT	26/6/2015	Phân công nhiệm vụ HĐQT nhiệm kỳ 2011-2016.
8	09/2015/ NQ-HĐQT	01/7/2015	Cử người đại diện theo pháp luật
9	10/2015/ NQ-HĐQT	15/7/2015	Điều chỉnh chế độ thù lao vụ 2014-2015
10	11/2015/ NQ-HĐQT	15/7/2015	Bổ sung chính sách thu mua mía nguyên liệu vụ 2015-2016.
11	12/2015/ NQ-HĐQT	24/7/2015	Hủy kết quả xét thầu thiết bị Máy ly tâm A và Trợ tinh C
12	13/2015/ NQ-HĐQT	24/7/2015	Về giải pháp thu hồi nợ đầu tư vụ 2014-2015
13	14/2015/ QĐ-HĐQT	05/8/2015	QĐ Ban hành Quy chế Chi tiêu nội bộ Công ty cổ phần mía đường 333
14	15/2015/ QĐ-HĐQT	05/8/2015	QĐ Ban hành Quy chế Tổ chức và Hoạt động HĐQT .
15	16/2015/ QĐ-HĐQT	05/8/2015	QĐ "V/v Ban hành Quy chế Mua sắm hàng hóa, vật tư Công ty cổ phần mía đường 333

## CÁC NGHỊ QUYẾT VÀ QUYẾT ĐỊNH TRONG NĂM 2015 CỦA HĐQT

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
16	17/2015/QĐ-HĐQT	05/8/2015	QĐ "V/v Ban hành Quy chế Tài chính Công ty cổ phần mía đường 333 "
17	18/2015/NQ-HĐQT	05/8/2015	Thông qua kết quả Thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm 2015 – Kế hoạch quý 3/2015.
18	19/2015/NQ-HĐQT	19/8/2015	Thông qua hồ sơ đầu tư máy ly tâm A, trợ tinh C.
19	20/2015/NQ-HĐQT	21/8/2015	Điều chỉnh chế độ ăn ca Nhà máy điều
20	21/2015/NQ-HĐQT	14/9/2015	Thông qua thời gian đầu tư máy ly tâm A và trợ tinh C.
21	22/2015/NQ-HĐQT	24/9/2015	Sửa chữa lò hơi 40 tấn.
22	23/2015/NQ-HĐQT	29/9/2015	Phê duyệt nhà thầu trợ tinh
23	24/2015/NQ-HĐQT	29/9/2015	Phê duyệt Biên chế lao động vụ 15-16
24	25/2015/NQ-HĐQT	01/10/2015	Phê duyệt kinh phí sửa chữa nhà xưởng sau vụ
25	26/2015/NQ-HĐQT	15/10/2015	Phê duyệt nhà thầu sửa chữa lò hơi
26	27/2015/NQ-HĐQT	02/11/2015	Phê duyệt Thanh lý vật tư hư hỏng
27	28/2015/NQ-HĐQT	22/10/2015	Phê duyệt Nhà thầu sửa chữa trục dao xé mía
28	29/2015/NQ-HĐQT	02/11/2015	Phê duyệt Quy chế đầu tư thu mua pt mía nl
29	30/2015/NQ -HĐQT	24/11/2015	Phê duyệt Chính sách đầu tư mía cho vụ 16-17
30	31/2015/NQ -HĐQT	02/12/2015	Phê duyệt chủ trương Đầu tư hệ thống cấp nước Nhà máy điều
31	32/2015/NQ -HĐQT	03/12/2015	Bổ sung chính sách thu mua mía vụ 15-16
32	33/2015/NQ -HĐQT	03/12/2015	Thu hồi nợ đầu tư mía NL
33	34/2015/NQ -HĐQT	10/12/2015	Cho vay vốn ngân hàng OCB
34	35/2015/NQ -HĐQT	10/12/2015	Cho vay vốn ngân hàng ACB
35	36/2015/NQ -HĐQT	10/12/2015	Cho vay vốn ngân hàng Công thương
36	37/2015/NQ -HĐQT	15/12/2015	Phê duyệt mua vật tư hóa chất vụ 15-16
37	38/2015/NQ -HĐQT	15/12/2015	Phê duyệt kinh phí khám sức khỏe 2016.
38	39/2015/NQ -HĐQT	19/12/2015	Phê duyệt kinh phí sửa chữa đường vận chuyển mía NL vụ 15-16.
39	40/2015/NQ -HĐQT	21/12/2015	Phê duyệt KH SXKD năm 2016
40	41/2015/QĐ-HĐQT	24/12/2015	Phê duyệt biểu cước vận chuyển mía vụ 15-16
41	42/2015/NQ -HĐQT	29/12/2015	Phê duyệt bán bùn thải vụ 15-16





## ✓ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Nghị quyết ĐHĐCĐ đối với HĐQT, Ban TGD và cán bộ quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Các Nghị quyết của HĐQT đều tập trung vào việc triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ và được ban hành một cách hợp lệ trên cơ sở Biên bản họp. Các phiên họp HĐQT tập trung vào việc đánh giá kết quả thực hiện và đề ra các chủ trương về hoạt động kinh doanh.
- BTGD triển khai nhiệm vụ SXKD trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế và của ngành đường. Trong công tác nguyên liệu đã huy động thu mua sản lượng mía đáp ứng yêu cầu SX. Triển khai công tác bảo dưỡng sửa chữa MMTB hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng. Kết quả các chỉ tiêu về Hệ số ATTB và hiệu quả trong SX đều đạt cao so với một số đơn vị cùng ngành. Chính sách thi đua khen thưởng đã phát huy tác dụng nâng cao tinh thần trách nhiệm, hạn chế các biểu hiện tiêu cực trong toàn Cty. BKS cũng ghi nhận nỗ lực của Lãnh đạo và CBCNV trong việc (i) quản lý của Phân xưởng đường, (ii) công tác tiêu thụ đường và (iii) quan hệ tốt với chính quyền địa phương cùng các Bộ ngành.
- BTGD cần quan tâm đến công tác kế toán quản trị, nhận diện rủi ro và quản lý rủi ro, thông tin kịp thời đến thành viên HĐQT và BKS. HĐQT cần xây dựng các nguyên tắc cơ bản về công tác quản trị công ty nhằm ứng phó với quá trình hội nhập AFTA đối với mặt hàng đường.



# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

## THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

ĐVT: đồng

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Thù lao	Lương	Cho Công ty vay
1	Phan Xuân Thủy	CT HĐQT, TGD	84.000.000	406.000.000	-
2	Nguyễn Văn Nghĩa	TV HĐQT	173.000.000	67.000.000	-
3	Nguyễn Xuân Quang	TV HĐQT, KTT	72.000.000	250.000.000	-
4	Nguyễn Thị Hoàng Anh	Thư ký HĐQT, TP KHKD	48.000.000	148.500.000	-
5	Nguyễn Ngọc Thọ	Phó TGD	-	250.000.000	-
6	Trần Kim Dũng	TV HĐQT	10.000.000	-	-
7	Nguyễn Thanh Ngữ	TV HĐQT	10.000.000	-	-
8	Lê Văn Hòa	TBKS	10.000.000	-	-
9	Nguyễn Thị Thanh	TV BKS, PP KHKD	24.000.000	127.000.000	-
10	Lê Tuấn	TV BKS, GD NL	24.000.000	181.574.500	-
11	Nguyễn Bá Thành	CT HĐQT	87.000.000	-	-
12	Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	62.000.000	-	-
13	Trần Ngọc Hiếu	TV HĐQT	38.000.000	-	-
14	Đoàn Ngọc Sơn	TV HĐQT	62.000.000	-	-
15	Nguyễn Bá Khiêm	TV BKS	25.000.000	-	-
16	Lê Ngọc Nhon	Phó TGD	-	250.000.000	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>729.000.000</b>	<b>1.680.074.500</b>	-



**GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

Không

**HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI CỔ ĐÔNG NỘI BỘ**

Không

**THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Mía đường 333 tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật hiện hành về quản trị công ty.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2015





**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN AAC**  
**THÀNH VIÊN CỦA PRIMEGLOBAL**

Trụ sở chính  
Lô 78-80 Đường 30 tháng 4, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng  
Tel: 84.511.3655885; Fax: 84.511.3655887  
Email: aac@dnq.vnn.vn  
Website: http://www.aac.com.vn

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh  
47-49 Hoàng Sa (Tầng 4 Tòa nhà Hoàng Đương)  
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh  
Tel: 84.8.39102235; Fax: 84.8.39102349  
Email: aac.hcm@aac.com.vn

Số: 374/2016/BCKT-AAC

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Mía đường 333**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Mía đường 333 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 07/03/2016, từ trang 6 đến trang 33, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



**Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại Báo cáo kiểm toán số 15.346/BCKT-DTL, ngày 27/03/2015 về Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty, kiểm toán viên tiền nhiệm đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC**




**Lâm Quang Tú – Phó Tổng Giám đốc**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1031-2013-010-1  
 Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016



**Nguyễn Thị Thúy – Kiểm toán viên**  
 Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1622-2013-010-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu số B 01 - DN  
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>97.357.262.694</b>	<b>168.642.183.402</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>247.657.497</b>	<b>11.519.924.675</b>
1. Tiền	111	5	247.657.497	11.519.924.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>10.000.000.000</b>	<b>21.115.277.778</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	6	10.000.000.000	21.115.277.778
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>66.126.784.652</b>	<b>119.421.669.019</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	210.214.200
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	69.661.615.283	108.263.966.157
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	7.151.918.048	11.990.602.351
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(10.686.748.679)	(1.043.113.689)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>20.214.978.794</b>	<b>15.395.882.122</b>
1. Hàng tồn kho	141		20.214.978.794	15.395.882.122
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>767.841.751</b>	<b>1.189.429.808</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11.a	110.891.050	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		586.672.855	990.302.087
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16.b	70.277.846	199.127.721
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>256.404.831.456</b>	<b>289.749.431.465</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>12</b>	<b>253.910.284.134</b>	<b>284.943.308.199</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221		253.479.919.364	284.690.924.129
- Nguyên giá	222		466.933.967.419	464.363.861.419
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(213.454.048.055)	(179.672.937.290)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	430.364.770	252.384.070
- Nguyên giá	228		725.565.200	490.614.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(295.200.430)	(238.229.930)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.633.500.000</b>	<b>1.332.951.200</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.633.500.000	1.332.951.200
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>861.047.322</b>	<b>3.473.172.066</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11.b	861.047.322	3.473.172.066
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>353.762.094.150</b>	<b>458.391.614.867</b>

Thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 33 là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính này

Trung 6





CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
Ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>132.432.496.846</b>	<b>243.335.063.251</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>86.093.647.099</b>	<b>133.100.213.504</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	4.088.097.857	1.960.391.350
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16.a	991.586.409	3.244.198.075
3. Phải trả người lao động	314		4.115.744.703	3.771.828.242
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	5.444.444	-
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	10.303.716.164	9.097.623.519
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19.a	63.542.221.308	114.436.706.850
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.046.836.214	589.465.468
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>46.338.849.747</b>	<b>110.234.849.747</b>
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	41.000.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19.b	46.338.849.747	69.234.849.747
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>221.329.597.304</b>	<b>215.056.551.616</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>221.329.597.304</b>	<b>215.056.551.616</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	20	83.314.090.000	83.314.090.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		83.314.090.000	83.314.090.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	20	11.155.900.000	11.155.900.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	20	75.680.316.243	64.565.329.863
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	20	51.179.291.061	56.021.231.753
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		14.914.293.603	31.636.272.978
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		36.264.997.458	24.384.958.775
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>353.762.094.150</b>	<b>458.391.614.867</b>



Tổng Giám đốc

Phan Xuân Thủy

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Quang

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Tùng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 02 – DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	22	474.662.823.680	531.761.970.386
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	8.380.952
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		474.662.823.680	531.753.589.434
4. Giá vốn hàng bán	11	23	410.646.782.723	471.173.888.793
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		<b>64.016.040.957</b>	<b>60.579.700.641</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	8.834.869.670	14.646.289.172
7. Chi phí tài chính	22	25	15.170.569.437	31.076.550.642
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		15.165.676.335	31.076.550.642
8. Chi phí bán hàng	25	26.a	321.094.212	2.076.499.825
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26.b	21.049.502.932	13.673.619.166
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		<b>36.309.744.046</b>	<b>28.399.320.180</b>
11. Thu nhập khác	31	27	216.206.238	445.088.419
12. Chi phí khác	32	28	185.307.490	61.319.878
13. Lợi nhuận khác	40		<b>30.898.748</b>	<b>383.768.541</b>
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		<b>36.340.642.794</b>	<b>28.783.088.721</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	75.645.336	4.398.129.946
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<b>36.264.997.458</b>	<b>24.384.958.775</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	4.353	2.692
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	4.353	2.692

  
TỔNG GIÁM ĐỐC  
*Phan Xuân Thủy*  
Phan Xuân Thủy

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 03 năm 2016

KẾ TOÁN TRƯỞNG

*Nguyễn Xuân Quang*  
Nguyễn Xuân Quang

NGƯỜI LẬP BIỂU

*Nguyễn Thanh Tùng*  
Nguyễn Thanh Tùng



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Mẫu số B 03 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		36.340.642.794	28.783.088.721
2. Điều chỉnh cho các khoản	-			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	12,13	33.958.081.265	35.746.888.169
- Các khoản dự phòng	03		9.643.634.990	1.043.113.689
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	25	4.893.102	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	24	(1.847.094.502)	(14.646.289.172)
- Chi phí lãi vay	06	25	15.165.676.335	31.076.550.642
3. LN từ hoạt động KD trước thay đổi vốn lưu động	08		93.265.833.984	82.003.352.049
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		44.169.496.058	3.636.095.035
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.819.096.672)	58.247.968.299
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể trả lãi vay, thuế thu nhập phải nộp)	11		(36.593.984.297)	(39.970.896.976)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.501.233.694	1.537.517.228
- Tiền lãi vay đã trả	14	18,25	(15.293.211.591)	(31.246.575.561)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	16	(2.928.871.472)	(5.666.787.906)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	107.600.000
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.540.354.024)	(1.803.892.999)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20		<b>77.761.045.680</b>	<b>66.844.379.169</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(3.625.606.000)	(15.832.262.467)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(10.000.000.000)	(95.115.277.778)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		21.115.277.778	84.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	8,24	2.261.326.928	15.207.410.034
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30		<b>9.750.998.706</b>	<b>(11.740.130.211)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33	19	45.327.861.784	183.033.257.009
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	19	(119.118.347.326)	(268.366.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	20	(24.994.227.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40		<b>(98.784.712.542)</b>	<b>(85.332.742.991)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50		<b>(11.272.668.156)</b>	<b>(30.228.494.033)</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	11.519.924.675	41.748.418.708
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái qui đổi ngoại tệ	61		400.978	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	5	<b>247.657.497</b>	<b>11.519.924.675</b>

**Tổng Giám đốc**  
Phan Xuân Thủy

**Kế toán trưởng**  
Nguyễn Xuân Quang

**Người lập biểu**  
Nguyễn Thanh Tùng

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 03 năm 2016

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành  
và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN  
Ban hành theo TT số 200/2014/TT - BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính

### 1. Đặc điểm hoạt động

#### 1.1. Khái quát chung

Công ty Cổ phần Mía đường 333 (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Doanh nghiệp Nhà nước (Công ty Mía đường 333) theo Quyết định số 3762/QĐ/BNN-ĐMDN ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 6000181156 ngày 28/06/2006 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đắk Lắk, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 8 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 06/07/2015.

Vốn điều lệ: 83.314.090.000 đồng

Vốn góp thực tế đến thời điểm 31/12/2015: 83.314.090.000 đồng

1.2. Lĩnh vực kinh doanh chính: Sản xuất đường, chế biến hạt điều, sản xuất đồ uống không cồn, đại lý xăng dầu.

#### 1.3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất đường. Chi tiết: Sản xuất, chế biến đường mía;
- Xay xát và sản xuất bột thô. Chi tiết: Chế biến hạt điều nhân;
- Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng. Chi tiết: Sản xuất nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất nước ngọt có gas và không có gas;
- Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ. Chi tiết: Sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý mua bán xăng, dầu (địa điểm kinh doanh tại Tỉnh Đắk Lắk phải phù hợp với quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt) và chất bôi trơn động cơ;
- Trồng cây mía. Chi tiết: Trồng mía đường;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Mua, bán: Vật tư nông nghiệp (trừ thuốc bảo vệ thực vật), nông sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng bằng xe ô tô;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: Cho thuê mặt bằng, kho bãi.

### 2. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ dùng để ghi sổ kế toán và trình bày Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

### 3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu

#### 4.1 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực từ năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/01/2015. Theo hướng dẫn của Thông tư 200, ảnh hưởng do thay đổi các chính sách kế toán được Công ty áp dụng phi hồi tố.

Ngoài ra, một số chỉ tiêu tương ứng của kỳ trước đã được phân loại lại (xem Thuyết minh số 35) nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu kỳ này, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư 200.

#### 4.2 Chênh lệch tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi công ty giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào và các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Riêng các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phản ánh vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### 4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 4.4 Các khoản đầu tư tài chính

##### Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá ghi sổ sau khi đã đánh giá lại. Số dự phòng tổn thất được ghi giảm trực tiếp vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Trường hợp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thì được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm cuối kỳ

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 4.5 Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu bao gồm: phải thu khách hàng và phải thu khác:

- Phải thu khách hàng là các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa Công ty và người mua;
- Phải thu khác là các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải thu được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng nợ phải thu khó đòi. Dự phòng được trích lập tại thời điểm cuối kỳ kế toán đối với các khoản phải thu đã quá hạn thu hồi trên 6 tháng hoặc chưa đến thời hạn thu hồi nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn,... Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.6 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành hàng tồn kho và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho từng mặt hàng khi giá trị thuần có thể thực hiện được của mặt hàng đó nhỏ hơn giá gốc. Việc trích lập dự phòng thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính.

### 4.7 Tài sản cố định hữu hình

#### Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí mà Công ty bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

#### Khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

#### Loại tài sản

Nhà cửa, vật kiến trúc

#### Thời gian khấu hao (năm)

6 – 15



### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Máy móc, thiết bị	5 - 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5

#### 4.8 Tài sản cố định vô hình

##### Nguyên giá

Tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Quyền sử dụng đất

TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Tiền thuê đất trả trước (đã trả cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 05 năm) cho hợp đồng thuê đất trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

##### Khấu hao

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không thực hiện khấu hao. Đối với quyền sử dụng đất có thời hạn thì thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Công ty.

Tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Thời gian khấu hao (năm)</u>
Phần mềm quản lý	2

#### 4.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước được phân loại thành chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn. Đây là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều thời kỳ. Các chi phí trả trước chủ yếu tại Công ty:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng;
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 24 tháng;

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

- Các chi phí trả trước khác: Căn cứ vào tính chất, mức độ chi phí, Công ty lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ phù hợp trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

### **4.10 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả bao gồm: phải trả người bán và phải trả khác:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại, phát sinh từ các giao dịch có tính chất mua bán giữa nhà cung cấp và Công ty;
- Phải trả khác là các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, nội bộ.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, được phân loại thành nợ phải trả ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản nợ phải trả được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

### **4.11 Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được phản ánh theo giá gốc và được phân loại thành nợ ngắn hạn, dài hạn căn cứ theo kỳ hạn nợ còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được Công ty theo dõi chi tiết theo đối tượng, theo các khế ước vay, kỳ hạn gốc, kỳ hạn nợ còn lại và theo nguyên tệ.

#### *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động trong kỳ phát sinh, trừ khi thỏa mãn điều kiện được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan đến khoản vay riêng biệt chỉ sử dụng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể của Công ty thì được vốn hóa vào nguyên giá tài sản đó. Đối với các khoản vốn vay chung thì số chi phí đi vay có đủ điều kiện vốn hoá trong kỳ kế toán được xác định theo tỷ lệ vốn hoá đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản đó đang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Thời điểm chấm dứt việc vốn hóa chi phí đi vay là khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó đang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.12 Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

### **4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu phản ánh số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### **Thặng dư vốn cổ phần**

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh số chênh lệch giữa giá phát hành với mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến phát hành cổ phiếu; Chênh lệch giữa giá tái phát hành với giá trị sổ sách, chi phí trực tiếp liên quan đến tái phát hành cổ phiếu quỹ.

### **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Cổ tức trả cho cổ đông không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và có cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức.

### **4.14 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác**

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có khả năng thu được các lợi ích kinh tế và có thể xác định được một cách chắc chắn, đồng thời thỏa mãn điều kiện sau:
  - ✓ Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi những rủi ro đáng kể và quyền sở hữu về sản phẩm đã được chuyển giao cho người mua và không còn khả năng đáng kể nào làm thay đổi quyết định của hai bên về giá bán hoặc khả năng trả lại hàng;
  - ✓ Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đã hoàn thành dịch vụ. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
  - ✓ Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế;
  - ✓ Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước đầu tư được hạch toán giảm giá trị khoản đầu tư.
- Thu nhập khác là các khoản thu nhập ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty, được ghi nhận khi có thể xác định được một cách tương đối chắc chắn và có khả năng thu được các lợi ích kinh tế.

### **4.15 Giá vốn hàng bán**

Giá vốn của sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ tiêu thụ được ghi nhận đúng kỳ, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ, không tính vào giá thành sản phẩm, dịch vụ.

### **4.16 Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính phản ánh các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính: chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và các khoản chi phí của hoạt động đầu tư khác.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)*

### **4.17 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quản lý chung của doanh nghiệp.

### **4.18 Chi phí thuế TNDN hiện hành, chi phí thuế TNDN hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

### **4.19 Công cụ tài chính**

#### **Ghi nhận ban đầu**

##### *Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, phải thu khách hàng, các khoản đầu tư tài chính và phải thu khác.

##### *Nợ phải trả tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

#### **Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### **4.20 Thuế suất và các lệ phí nộp Ngân sách mà Công ty đang áp dụng**

- Thuế GTGT: Phần bán là hàng hóa thuộc đối tượng không chịu thuế; Hạt điều xuất khẩu áp dụng mức thuế suất 0%; Đường và các phụ phẩm đường áp dụng mức thuế suất 5%; Xăng, dầu, nước đóng chai áp dụng mức thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Công ty được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất là 10% trong 15 năm (từ năm 2006 đến năm 2020), được miễn thuế 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo. Năm 2006 là năm đầu tiên Công ty có thu nhập chịu thuế, do đó Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2006 đến năm 2009 và giảm 50% số thuế phải nộp từ năm 2010 đến năm 2018 (Những ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp trên được quy định tại Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ).



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Riêng đối với thu nhập từ sản xuất đường và chế biến hạt điều, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 1, Điều 6, Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 1907/CT-TTHT ngày 10/08/2015 của Cục thuế Tỉnh Đắk Lắk.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 4.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng (trực tiếp hoặc gián tiếp) kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động.

Đơn vị tính: VND

### 5. Tiền

	31/12/2015		01/01/2015	
	Ngoại tệ	VND	Ngoại tệ	VND
- Tiền mặt tại quỹ		159.361.000		94.460.000
- Tiền gửi ngân hàng		88.296.497		11.425.464.675
+ VND		68.315.293		11.026.975.949
+ USD	891,17 #	19.981.204	18.638,58 #	398.488.726
<b>Cộng</b>		<b>247.657.497</b>		<b>11.519.924.675</b>

### Dầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	10.000.000.000	10.000.000.000	21.115.277.778	21.115.277.778
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>21.115.277.778</b>	<b>21.115.277.778</b>

(\*) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk với lãi suất 6%/năm. Toàn bộ khoản tiền gửi có kỳ hạn trên được thế chấp cho khoản vay ngắn hạn theo hợp đồng tín dụng số 120115/MC/HDTD tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk.

### 6. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Tấn Đạt	865.000.000	-
Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	-	209.612.331
Công ty TNHH Thương mại Thiên Chính	-	84.500.000
Ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu (*)	68.620.715.283	107.771.397.976
Các đối tượng khác	175.900.000	198.455.850
<b>Cộng</b>	<b>69.661.615.283</b>	<b>108.263.966.157</b>

(\*) Quyền đòi nợ từ khoản ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu được đảm bảo cho các khoản vay ngắn

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk và Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Đắk Lắk.

**7. Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Lãi ứng trước vốn trồng mía	6.448.133.058	(3.068.380.082)	10.557.659.697	(224.646.451)
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	595.000.000	-	1.009.232.426	-
Tạm ứng	19.076.753	-	153.060.764	-
Bảo hiểm xã hội nộp thừa	29.100.032	-	93.557.071	-
Kinh phí công đoàn chi vượt	32.040.680	-	87.360.779	-
Phải thu khác	28.567.525	-	89.731.614	-
<b>Cộng</b>	<b>7.151.918.048</b>	<b>(3.068.380.082)</b>	<b>11.990.602.351</b>	<b>(224.646.451)</b>

**8. Dự phòng nợ phải thu khó đòi**

**a. Ngắn hạn**

	Năm 2015	Năm 2014
Dự phòng nợ phải thu khó đòi đầu kỳ	1.043.113.689	-
Dự phòng phát sinh trong kỳ	9.643.634.990	1.043.113.689
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
<b>Dự phòng nợ phải thu khó đòi cuối kỳ</b>	<b>10.686.748.679</b>	<b>1.043.113.689</b>

**b. Nợ xấu**

	31/12/2015			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Chi chú
Trả trước người bán	11.596.725.132	909.976.453		
- Ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu	11.596.725.132	909.976.453	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi do quá hạn thanh toán hoặc do nông dân không còn trồng mía, không có khả năng thanh toán
Phải thu khác	3.068.380.082	3.068.380.082		
- Lãi ứng trước vốn trồng mía	3.068.380.082	3.068.380.082	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Khó có khả năng thu hồi do quá hạn thanh toán hoặc do nông dân không còn trồng mía, không có khả năng thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>14.665.105.214</b>	<b>3.978.356.535</b>		



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

	01/01/2015			
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Thời gian quá hạn	Ghi chú
Trả trước người bán	930.285.765	111.818.527		
- Ứng trước vốn trồng mía nguyên liệu	930.285.765	111.818.527	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do quá hạn thanh toán hoặc do nắng dẫn không còn trồng mía, không có khả năng thanh toán
		-		
Phải thu khác	272.132.574	47.486.123		
- Lãi ứng trước vốn trồng mía	272.132.574	47.486.123	Từ 1 năm đến trên 3 năm	Không có khả năng thu hồi do quá hạn thanh toán hoặc do nắng dẫn không còn trồng mía, không có khả năng thanh toán
<b>Cộng</b>	<b>1.202.418.339</b>	<b>159.304.650</b>		

**9. Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.434.949.799	-	12.368.118.189	-
Chi phí SX, KD dở dang	1.912.945.416	-	1.332.048.703	-
Thành phẩm	2.344.117.934	-	1.432.264.310	-
Hàng hóa	522.965.645	-	261.041.423	-
Hàng gửi bán	-	-	2.409.497	-
<b>Cộng</b>	<b>20.214.978.794</b>	<b>-</b>	<b>15.395.882.122</b>	<b>-</b>

- Không có hàng tồn kho ứ đọng, kém phẩm chất tại thời điểm 31/12/2015.
- Không có hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ tại thời điểm 31/12/2015.

**10. Chi phí trả trước**

**a. Ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí vô điều chờ phân bổ	110.891.050	-
<b>Cộng</b>	<b>110.891.050</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**b. Dài hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	515.592.776	1.676.730.712
Chi phí qui hoạch vùng nguyên liệu chờ phân bổ	345.454.546	-
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, duy tu	-	1.796.441.354
<b>Cộng</b>	<b>861.047.322</b>	<b>3.473.172.066</b>

**11. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	P.tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu kỳ	122.402.688.497	337.893.059.448	3.960.620.474	107.493.000	464.363.861.419
Phân loại lại	351.393.360	(351.393.360)	-	-	-
Mua sắm trong kỳ	-	-	2.640.606.000	49.500.000	2.690.106.000
Giảm trong kỳ	-	-	120.000.000	-	120.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>122.754.081.857</b>	<b>337.541.666.088</b>	<b>6.481.226.474</b>	<b>156.993.000</b>	<b>466.933.967.419</b>
<b>Khấu hao</b>					
Số đầu kỳ	46.879.232.814	130.433.124.403	2.258.175.822	102.404.251	179.672.937.290
Phân loại lại	-	(5.088.749)	-	5.088.749	-
Khấu hao trong kỳ	8.197.253.886	25.186.939.532	516.092.347	825.000	33.901.110.765
Giảm trong kỳ	-	-	120.000.000	-	120.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>55.076.486.700</b>	<b>155.614.975.186</b>	<b>2.654.268.169</b>	<b>108.318.000</b>	<b>213.454.048.055</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	75.523.455.683	207.459.935.045	1.702.444.652	5.088.749	284.690.924.129
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>67.677.595.157</b>	<b>181.926.690.902</b>	<b>3.826.958.305</b>	<b>48.675.000</b>	<b>253.479.919.364</b>

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 200.477.787.262 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 48.665.845.420 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 12. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	69.700.000	420.914.000	490.614.000
Mua trong kỳ	234.951.200	-	234.951.200
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>304.651.200</b>	<b>420.914.000</b>	<b>725.565.200</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	35.290.210	202.939.720	238.229.930
Khấu hao trong kỳ	4.356.250	52.614.250	56.970.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>39.646.460</b>	<b>255.553.970</b>	<b>295.200.430</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	34.409.790	217.974.280	252.384.070
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>265.004.740</b>	<b>165.360.030</b>	<b>430.364.770</b>

- Không có tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015.
- Không có tài sản cố định vô hình đã thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2015.

### 13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.633.500.000	1.332.951.200
<b>Cộng</b>	<b>1.633.500.000</b>	<b>1.332.951.200</b>

### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Công nghệ & Thương mại Minh Thành	2.166.722.560	-
Công ty TNHH BEHN MEYER Việt nam	-	302.720.000
Công ty CP SXTM Bao bì Thành Thành Công	-	698.500.000
Các đối tượng khác	1.921.375.297	959.171.350
<b>Cộng</b>	<b>4.088.097.857</b>	<b>1.960.391.350</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	69.700.000	420.914.000	490.614.000
Mua trong kỳ	234.951.200	-	234.951.200
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>304.651.200</b>	<b>420.914.000</b>	<b>725.565.200</b>
<b>Khấu hao</b>			
Số đầu kỳ	35.290.210	202.939.720	238.229.930
Khấu hao trong kỳ	4.356.250	52.614.250	56.970.500
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>39.646.460</b>	<b>255.553.970</b>	<b>295.200.430</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	34.409.790	217.974.280	252.384.070
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>265.004.740</b>	<b>165.360.030</b>	<b>430.364.770</b>

- Không có tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2015.
- Không có tài sản cố định vô hình đã thế chấp, đảm bảo các khoản nợ tại ngày 31/12/2015.

**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2015	01/01/2015
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.633.500.000	1.332.951.200
<b>Cộng</b>	<b>1.633.500.000</b>	<b>1.332.951.200</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Công nghệ & Thương mại Minh Thành	2.166.722.560	-
Công ty TNHH BEHN MEYER Việt nam	-	302.720.000
Công ty CP SXTM Bao bì Thành Thành Công	-	698.500.000
Các đối tượng khác	1.921.375.297	959.171.350
<b>Cộng</b>	<b>4.088.097.857</b>	<b>1.960.391.350</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

##### a. Phải nộp

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế giá trị gia tăng	-	15.228.780.849	15.228.780.849	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.857.420.044	75.645.336	2.928.871.472	4.193.908
Thuế thu nhập cá nhân	357.718.357	1.042.171.537	434.585.845	965.304.049
Thuế tài nguyên	29.059.674	57.056.509	64.027.731	22.088.452
Các loại thuế khác	-	257.601.000	257.601.000	-
Phí và lệ phí	-	129.066.528	129.066.528	-
<b>Cộng</b>	<b>3.244.198.075</b>	<b>16.403.654.231</b>	<b>15.727.394.425</b>	<b>991.586.409</b>

##### b. Phải thu

	Số đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	199.127.721	135.779.646	6.929.771	70.277.846
<b>Cộng</b>	<b>199.127.721</b>	<b>135.779.646</b>	<b>6.929.771</b>	<b>70.277.846</b>

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của Cơ quan thuế, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính này có thể sẽ thay đổi theo quyết định của Cơ quan thuế.

#### 16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2015	01/01/2015
Trích trước lãi vay	5.444.444	-
<b>Cộng</b>	<b>5.444.444</b>	<b>-</b>

#### 17. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	01/01/2015
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (Lãi vay phải trả)	8.645.812.954	8.778.792.654
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	141.940.000	211.440.000
Phải trả khác	1.515.963.210	107.390.865
<b>Cộng</b>	<b>10.303.716.164</b>	<b>9.097.623.519</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**18. Vay và nợ thuê tài chính**

**a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn	80.000.000.000	44.500.000.000	95.250.000.000	29.250.000.000
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đắk Lắk	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
- Ngân hàng Phương Đông Việt Nam - CN Đắk Lắk	50.000.000.000	4.500.000.000	50.000.000.000	4.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đắk Lắk	10.000.000.000	40.000.000.000	25.250.000.000	24.750.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	34.436.706.850	20.723.861.784	20.868.347.326	34.292.221.308
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đắk Lắk	19.896.000.000	19.896.000.000	19.896.000.000	19.896.000.000
- Vay cá nhân	14.540.706.850	827.861.784	972.347.326	14.396.221.308
<b>Cộng</b>	<b>114.436.706.850</b>	<b>65.223.861.784</b>	<b>116.118.347.326</b>	<b>63.542.221.308</b>

**b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Cuối kỳ
Vay dài hạn	103.671.556.597	827.861.784	23.868.347.326	80.631.071.055
- Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng (i)	4.511.147.049	-	3.000.000.000	1.511.147.049
- Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Đắk Lắk (ii)	84.619.702.698	-	19.896.000.000	64.723.702.698
- Vay cá nhân	14.540.706.850	827.861.784	972.347.326	14.396.221.308
<b>Cộng</b>	<b>103.671.556.597</b>	<b>827.861.784</b>	<b>23.868.347.326</b>	<b>80.631.071.055</b>
<b>Trong đó:</b>				
- Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	34.436.706.850	-	-	34.292.221.308
<b>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>69.234.849.747</b>			<b>46.338.849.747</b>

(i) Vay dài hạn Chi nhánh Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam tại Đà Nẵng trong đến 31/12/2018 với lãi suất 5,4%/năm và được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất số 1051/QĐUB tại Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk. Thời gian thanh toán: Không có lịch trả nợ cụ thể, Công ty phải thanh toán toàn bộ nợ gốc và nợ lãi đến hết năm 2018.

(ii) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Đắk Lắk theo:

- Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.04.190913 ngày 25/09/2013, số tiền vay: 55.765.702.698 đồng. Mục đích vay: Hoàn vốn đã đầu tư dự án nâng công suất lên 2.500 TMN giai đoạn 1, thời hạn vay 58 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, ngày đáo hạn



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

25/05/2018. Lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất được cố định trong thời gian 3 tháng, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo: Dây chuyền sản xuất đường tiêu thụ mía 2.500 tấn/ngày, nhà máy nhiệt điện 3MW (theo hợp đồng đảm bảo DAL.BDDN.02.190913/SP ngày 25/09/2013).

- Hợp đồng tín dụng trung – dài hạn số DAL.DN.05.190913 ngày 25/09/2013, số tiền vay: 50.625.000.000 đồng. Mục đích vay: Hoàn vốn đã đầu tư dự án năng công suất lên 2.500 TMN giai đoạn 2, thời hạn vay 81 tháng kể từ ngày bên vay nhận tiền vay lần đầu, ngày đáo hạn 11/04/2020. Lãi suất vay: 11%/năm, lãi suất được cố định trong thời gian 3 tháng, từ tháng thứ 4 trở đi, lãi suất vay được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn. Tài sản đảm bảo: Dây chuyền sản xuất đường tiêu thụ mía 2.500 tấn/ngày, nhà máy nhiệt điện 3MW (theo hợp đồng đảm bảo DAL.BDDN.02.190913/SP ngày 25/09/2013).

**19. Vốn chủ sở hữu**

**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2014	83.314.090.000	11.155.900.000	59.776.015.793	4.789.314.070	31.280.433.478
Tăng trong kỳ	-	-	-	-	24.740.798.275
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2014</b>	<b>83.314.090.000</b>	<b>11.155.900.000</b>	<b>59.776.015.793</b>	<b>4.789.314.070</b>	<b>56.021.231.753</b>
Chuyển số dư (*)			4.789.314.070	(4.789.314.070)	
Số dư tại 01/01/2015	83.314.090.000	11.155.900.000	64.565.329.863	-	56.021.231.753
Tăng trong kỳ	-	-	11.114.986.380	-	36.264.997.458
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	21.160.525.928
<b>Số dư tại 31/12/2015</b>	<b>83.314.090.000</b>	<b>11.155.900.000</b>	<b>75.680.316.243</b>	<b>-</b>	<b>71.125.703.283</b>

(\*) Chuyển số dư Quỹ dự phòng tài chính sang Quỹ đầu tư phát triển theo qui định của Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22/12/2014.

**b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	Năm 2015	Năm 2014
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- Vốn góp đầu kỳ	83.314.090.000	83.314.090.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	83.314.090.000	83.314.090.000
<b>Cổ tức đã chia</b>	<b>24.994.227.000</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**c. Cổ phiếu**

	31/12/2015	01/01/2015
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.331.409	8.331.409
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu phổ thông	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu phổ thông	8.331.409	8.331.409
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

**d. Cổ tức**

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 26/06/2015 đã thông qua phương án chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2013, 2014 với tỷ lệ là 30%/vốn điều lệ (15%/năm. Công ty đã thực hiện chi trả số cổ tức này trong năm 2015.

**e. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối**

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	56.021.231.753	31.280.433.478
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận năm trước	-	355.839.500
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp kỳ này	36.264.997.458	24.384.958.775
Phân phối lợi nhuận	41.106.938.150	-
- Phân phối lợi nhuận năm 2013	21.160.525.928	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5.624.404.690	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.492.007.738	-
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	547.000.000	-
+ Trả cổ tức	12.497.113.500	-
- Phân phối lợi nhuận năm 2014	19.946.412.222	-
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	5.490.581.690	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.755.717.032	-
+ Trích quỹ khen thưởng ban điều hành	203.000.000	-
+ Trả cổ tức	12.497.113.500	-
- Tạm phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ</b>	<b>51.179.291.061</b>	<b>56.021.231.753</b>

Lợi nhuận sau thuế năm 2013, 2014 được phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 135/NQ-ĐHCĐ ngày 26/06/2015.



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

#### 20. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

CHỈ TIÊU	31/12/2015	01/01/2015
Ngoại tệ các loại (USD)	891,17	18.638,58

#### 21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2015	Năm 2014
Doanh thu bán đường và phụ phẩm đường	409.769.055.992	452.063.774.571
Doanh thu bán hạt điều	50.909.939.928	59.460.851.650
Doanh thu bán phân bón	4.842.563.958	9.800.830.257
Doanh thu bán xăng dầu	8.429.806.853	9.601.751.362
Doanh thu khác	711.456.949	834.762.546
<b>Cộng</b>	<b>474.662.823.680</b>	<b>531.761.970.386</b>

#### 22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2015	Năm 2014
Giá vốn đường và phụ phẩm đường	349.868.270.250	396.986.232.123
Giá vốn hạt điều	47.332.711.348	54.093.338.440
Giá vốn phân bón	4.773.614.872	9.692.454.939
Giá vốn xăng dầu	8.186.812.213	9.846.209.650
Giá vốn khác	485.374.040	555.653.641
<b>Cộng</b>	<b>410.646.782.723</b>	<b>471.173.888.793</b>

#### 23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.847.094.502	1.911.413.744
Lãi ứng trước vốn trồng mía	6.952.681.970	12.728.204.665
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	35.093.198	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	6.670.763
<b>Cộng</b>	<b>8.834.869.670</b>	<b>14.646.289.172</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### 24. Chi phí tài chính

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí lãi vay	15.165.676.335	31.076.550.642
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ các khoản mục tiền tệ	4.893.102	-
<b>Cộng</b>	<b>15.170.569.437</b>	<b>31.076.550.642</b>

### 25. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

#### a. Chi phí bán hàng

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nhân công	95.786.462	91.237.708
Chi phí khấu hao tài sản cố định	158.868.210	154.499.416
Chi phí vận chuyển	-	1.798.671.015
Các khoản khác	66.439.540	32.091.686
<b>Cộng</b>	<b>321.094.212</b>	<b>2.076.499.825</b>

#### b. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí vật liệu, công cụ	530.961.882	423.582.351
Chi phí nhân công	5.380.007.208	5.533.028.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	791.579.442	667.096.198
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	9.643.634.990	1.043.113.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.578.120.085	2.049.942.737
Các khoản khác	3.125.199.325	3.956.855.320
<b>Cộng</b>	<b>21.049.502.932</b>	<b>13.673.619.166</b>

### 26. Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
Thu từ bán phế liệu	-	387.038.637
Thu từ thanh lý vô bình	-	22.690.909
Thu tiền thuê nhà	11.818.183	10.272.728
Thu phí nhân công xúc bã bùn	130.449.773	-
Thu nhập khác	73.938.282	25.086.145
<b>Cộng</b>	<b>216.206.238</b>	<b>445.088.419</b>



CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**27. Chi phí khác**

	Năm 2015	Năm 2014
Phạt thuế	162.697.490	61.319.878
Các khoản khác	22.610.000	-
<b>Cộng</b>	<b>185.307.490</b>	<b>61.319.878</b>

**28. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2015	Năm 2014
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.340.642.794	28.783.088.721
<b>Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế</b>	<b>16.897.361.574</b>	<b>283.019.878</b>
- Điều chỉnh tăng	16.897.361.574	283.019.878
+ Chi phí không hợp lý, hợp lệ	9.949.042.252	88.019.878
+ Thu lao HDQT không trực tiếp điều hành	336.000.000	195.000.000
+ Dự phòng nợ phải thu khó đòi không đủ hồ sơ	6.449.621.832	-
+ Phạt vi phạm thuế	162.697.490	-
- Điều chỉnh giảm	-	-
+ Chi phí trích trước đã thực hiện	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	53.238.004.368	29.066.108.599
- Thu nhập từ hoạt động được hưởng ưu đãi	53.238.004.368	12.277.198.665
+ Thu nhập từ hoạt động được miễn thuế	53.154.132.719	-
+ Thu nhập từ hoạt động tại địa bàn đặc biệt khó khăn	83.871.649	12.277.198.665
- Thu nhập từ hoạt động không được hưởng ưu đãi	-	16.788.909.934
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.319.607.254	4.921.280.051
- Thuế TNDN của hoạt động được hưởng ưu đãi	5.319.607.254	1.227.719.866
- Thuế TNDN của hoạt động không được hưởng ưu đãi	-	3.693.560.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	5.315.413.272	613.859.934
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>75.645.336</b>	<b>4.398.129.946</b>
<b>Trong đó:</b>		
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	4.193.982	4.307.420.117
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	71.451.354	90.709.829

**29. Lãi cơ bản, suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	36.264.997.458	24.384.958.775
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	-	(1.958.717.032)
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	-	1.958.717.032
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	36.264.997.458	22.426.241.743
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	8.331.409	8.331.409
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.353</b>	<b>2.692</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

(\*) Lãi cơ bản của năm 2015 được tính khi chưa trừ quỹ khen thưởng phúc lợi. Kế hoạch ĐHCĐ của Công ty không qui định tỷ lệ trích lập các quỹ cụ thể. Hàng năm, căn cứ vào kết quả kinh doanh đã đạt được, ban điều hành sẽ đề xuất tỷ lệ trích quỹ khen thưởng phúc lợi cụ thể.

### 30. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2015	Năm 2014
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	320.693.543.743	324.841.148.151
Chi phí nhân công	31.157.188.398	31.441.534.061
Chi phí khấu hao tài sản cố định	33.625.204.059	35.402.381.729
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.117.020.960	6.359.737.403
Chi phí khác bằng tiền	9.313.110.969	7.156.524.182
<b>Cộng</b>	<b>410.906.068.129</b>	<b>405.201.325.526</b>

### 31. Báo cáo bộ phận

Theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 28 và Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực này thì Công ty cần lập báo cáo bộ phận. Theo đó, bộ phận là một phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích kinh tế khác với các bộ phận khác.

Căn cứ vào thực tế hoạt động tại Công ty, Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng việc ra các quyết định quan trọng của Công ty phụ thuộc chủ yếu vào việc cung cấp sản phẩm và dịch vụ mà Công ty đang kinh doanh. Do đó, Công ty trình bày báo cáo bộ phận chính yếu là bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2015	Hoạt động SX đường, phụ phẩm	Hoạt động SX hạt điều	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Doanh thu	409.769.055.992	50.909.939.928	13.983.827.760	474.662.823.680
Các khoản giảm trừ	-	-	-	-
Giá vốn	349.868.270.250	47.332.711.348	13.445.801.125	410.646.782.723
Lợi nhuận gộp của bộ phận kinh doanh	59.900.785.742	3.577.228.580	538.026.635	64.016.040.957
Doanh thu hoạt động tài chính	6.952.681.970	-	-	6.952.681.970
Doanh thu không phân bổ	-	-	-	2.098.393.938
Chi phí không phân bổ	-	-	-	36.726.474.071
				<b>36.340.642.794</b>
TSCĐ hữu hình, vô hình tại 31/12/2015	246.907.168.548	1.666.083.605	5.337.031.981	253.910.284.134
- Nguyên giá	451.011.325.155	8.095.719.867	8.552.487.597	467.659.532.619
- Hao mòn	(204.104.156.607)	(6.429.636.262)	(3.215.455.616)	(213.749.248.485)
Nợ phải thu bộ phận tại ngày 31/12/2015	58.974.866.604	-	-	58.974.866.604
Nợ phải thu không phân bổ	-	-	-	7.151.918.048
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 31/12/2015	3.525.491.016	98.560.000	210.200.000	3.834.251.016
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	128.598.245.830





**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh năm 2014	Hoạt động SX đường, phụ phẩm	Hoạt động SX hạt điều	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Doanh thu	452.063.774.571	59.460.851.650	20.237.344.165	531.761.970.386
Các khoản giảm trừ	8.380.952	-	-	8.380.952
Giá vốn	396.986.232.123	54.093.338.440	20.094.318.230	471.173.888.793
Lợi nhuận gộp của bộ phận kinh doanh	55.069.161.496	5.367.513.210	143.025.935	60.579.700.641
Doanh thu hoạt động tài chính	12.728.204.665	-	-	12.728.204.665
Doanh thu không phân bổ				2.363.172.926
Chi phí không phân bổ				46.887.989.511
				<b>28.783.088.721</b>
TSCĐ hữu hình, vô hình tại 01/01/2015	277.342.973.510	2.187.605.631	5.412.729.058	284.943.308.199
- Nguyên giá	449.572.907.955	8.095.719.867	7.185.847.597	464.854.475.419
- Hao mòn	(172.229.934.445)	(5.908.114.236)	(1.773.118.539)	(179.911.167.220)
Nợ phải thu bộ phận tại ngày 01/01/2015	107.431.066.668	-	-	107.431.066.668
Nợ phải thu không phân bổ				11.990.602.351
Nợ phải trả bộ phận tại ngày 01/01/2015	42.383.731.450	81.826.250	233.859.050	42.383.731.450
Nợ phải trả không phân bổ				200.951.331.801

### 32. Quản lý rủi ro

#### a. Quản lý rủi ro vốn

Thông qua công tác quản trị nguồn vốn, Công ty xem xét, quyết định duy trì số dư nguồn vốn và nợ phải trả thích hợp trong từng thời kỳ để vừa đảm bảo hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông.

#### b. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất, rủi ro tỷ giá và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Quản lý rủi ro thị trường:** Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự biến động lớn về lãi suất, tỷ giá và giá.

##### Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty phát sinh chủ yếu từ các khoản vay có lãi suất thả nổi đã ký kết. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay đến kết quả kinh doanh từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo để lựa chọn các thời điểm trả nợ thích hợp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

##### Quản lý rủi ro về tỷ giá

Do có các giao dịch mua tài sản cố định có gốc ngoại tệ, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Công ty quản lý thông qua các biện pháp như: tối ưu hóa thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	31/12/2015	01/01/2015
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền (USD)	891,17	18.638,58
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Phải trả người bán (USD)	96.256,00	-

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty thực hiện chính sách đa dạng hóa nguồn cung cấp nguyên vật liệu, hàng hóa bằng cách thiết lập mối quan hệ với nhiều nhà cung cấp, nhằm tìm kiếm các đối tác có giá mua phù hợp nhất. Bên cạnh đó, Công ty vẫn thường xuyên duy trì mối quan hệ đối với các nhà cung cấp truyền thống, có uy tín trên thị trường, đảm bảo tính ổn định cho đầu vào của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với hoạt động sản xuất đường, Công ty tích cực mở rộng vùng nguyên liệu thông qua chính sách đầu tư vùng nguyên liệu nhằm đảm bảo đủ nguyên liệu sản xuất cũng như giữ ổn định giá nguyên liệu, giảm tác động tăng giá do cạnh tranh từ các nhà máy sản xuất khác trong vùng.

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Khách hàng chủ yếu của Công ty là các Công ty kinh doanh thương mại mặt hàng đường và nhân hạt điều. Đây là các khách hàng truyền thống, phát sinh giao dịch thường xuyên, tiềm lực tài chính mạnh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty không có rủi ro tín dụng trọng yếu với khách hàng.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:

31/12/2015	Đơn vị tính: VND		
	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	4.088.097.857	-	4.088.097.857
Chi phí phải trả	5.444.444	-	5.444.444
Vay và nợ thuê tài chính	63.542.221.308	46.338.849.747	109.881.071.055
Phải trả khác	10.303.716.164	-	10.303.716.164
<b>Cộng</b>	<b>77.939.479.773</b>	<b>46.338.849.747</b>	<b>124.278.329.520</b>
01/01/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Phải trả người bán	1.960.391.350	-	1.960.391.350
Vay và nợ thuê tài chính	114.436.706.850	69.234.849.747	183.671.556.597
Phải trả khác	9.097.623.519	-	9.097.623.519
<b>Cộng</b>	<b>125.494.721.719</b>	<b>69.234.849.747</b>	<b>194.729.571.466</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333**  
Thị trấn Ea Knốp, Huyện Ea Kar, Tỉnh Đắk Lắk

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng rủi ro thanh khoản của Công ty ở mức rất cao nhưng Công ty tin tưởng rằng có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND	
			Tổng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	247.657.497	-	247.657.497	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.000.000.000	-	10.000.000.000	
Phải thu khác	623.567.525	-	623.567.525	
<b>Cộng</b>	<b>10.871.225.022</b>	<b>-</b>	<b>10.871.225.022</b>	
<b>01/01/2015</b>	<b>Không quá 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.519.924.675	-	11.519.924.675	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	21.115.277.778	-	21.115.277.778	
Phải thu khách hàng	210.214.200	-	210.214.200	
Phải thu khác	1.098.964.040	-	1.098.964.040	
<b>Cộng</b>	<b>33.944.380.693</b>	<b>-</b>	<b>33.944.380.693</b>	

#### 33. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

#### 34. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Thù lao Hội đồng quản trị	559.000.000	360.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc	981.500.000	800.422.222

#### 35. Số liệu so sánh

Là số liệu trong báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán khác. Một số chỉ tiêu cũng được phân loại lại nhằm đảm bảo tính chất so sánh với các số liệu năm nay, phù hợp với quy định về lập Báo cáo tài chính tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cụ thể như sau:

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	31/12/2014	01/01/2015 (Trình bày lại)
Đầu tư ngắn hạn	21.115.277.778	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	21.115.277.778
Phải thu ngắn hạn khác	11.837.541.587	11.990.602.351
Tài sản ngắn hạn khác	153.060.764	-
Phải trả dài hạn khác	41.000.000.000	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	-	41.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	59.776.015.793	64.565.329.863
Quỹ dự phòng tài chính	4.789.314.070	-

### BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chi tiêu	Năm 2014	Năm 2014 (Trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.927	2.692

Tổng Giám đốc

Phan Xuân Thủy

Đắk Lắk, ngày 07 tháng 03 năm 2016

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Quang

Người lập biểu

Nguyễn Thanh Tùng

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2015

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG 333



XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC



PHAN XUÂN THỦY